

Số: 236 /TTr- UBND

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 12 năm 2023

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Công văn số 268/HĐND-KTNS ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng kính trình dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Để thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững và phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp đô thị của thành phố Đà Nẵng, Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng đã ban hành Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 về ban hành quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Đây là Nghị quyết đặc thù của thành phố trên lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn nhằm tập trung thu hút nguồn lực, đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững gắn với thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị (khóa XII) về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Sau khi Nghị quyết được ban hành, Ủy ban nhân dân thành phố đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách hàng năm để thực hiện. Nhìn chung, các nội dung chính sách cơ bản đảm bảo mục tiêu, định hướng phát triển nông nghiệp hữu cơ, sinh thái, ứng dụng công nghệ cao theo đúng định hướng phát triển của thành phố và đã có các tổ chức, cá nhân tiếp cận được nguồn kinh phí hỗ trợ từ chính sách để đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với phát triển sản phẩm chủ lực, đặc trưng, sản phẩm OCOP, cụ thể: Hỗ trợ 04 hộ trồng hoa, 01 hộ trồng nấm được hỗ trợ theo mô hình sản xuất rau, hoa, nấm ứng dụng công nghệ cao, kinh phí 1,343 tỷ

đồng, hỗ trợ 18 chủ thể OCOP (doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh) nâng cao chất lượng sản phẩm OCOP, kinh phí là 645 triệu đồng.

Ngoài ra, bên cạnh nguồn kinh phí bố trí thực hiện chính sách trong dự toán hàng năm, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện đã thực hiện lồng ghép nội dung thực hiện chính sách từ nguồn kinh phí sự nghiệp hàng năm của cơ quan, đơn vị để thực hiện. Riêng đối với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ưu tiên nguồn kinh phí sự nghiệp hàng năm để hỗ trợ các nội dung chính sách: Hỗ trợ 20 hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm cho cây rau, cây ăn quả, kinh phí khoảng 01 tỷ đồng; hỗ trợ thực hiện 14 mô hình sản xuất hữu cơ, theo hướng hữu cơ, kinh phí hơn 1,8 tỷ đồng; hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP (chứng nhận VietGAP, ISO, HACCP,...hỗ trợ thiết kế, in ấn bao bì, bộ nhận diện thương hiệu, thương hiệu sản phẩm, hỗ trợ truy xuất nguồn gốc sản phẩm, xây dựng câu chuyện sản phẩm, đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử, xây dựng Web, bán hàng trực tuyến, chi hỗ trợ thưởng cho sản phẩm được công nhận OCOP, điểm trưng bày OCOP,...) kinh phí hỗ trợ 2,520 tỷ đồng.

Tuy các nội dung chính sách đã được triển khai và các tổ chức, cá nhân đã tiếp cận được nguồn kinh phí hỗ trợ, nhưng nhìn chung việc thực hiện chính sách vẫn còn những hạn chế, vướng mắc, các nội dung hỗ trợ mới dừng lại ở các mô hình sản xuất quy mô nhỏ, kinh tế hộ và chủ yếu hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP, chưa có doanh nghiệp, hợp tác xã tiếp cận chính sách để đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tạo hạt nhân đẩy mạnh phát triển nông nghiệp bền vững. Một trong những nguyên nhân chưa phát huy hiệu quả của chính sách đã ban hành đó là chưa tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về đất đai để triển khai các dự án, mô hình sản xuất nông nghiệp, điều kiện về quy mô diện tích của một số nội dung chính sách chưa phù hợp với điều kiện thực tế của thành phố và cần phải rà soát về trình tự, thủ tục, trong đó nghiên cứu thực hiện phân cấp theo thẩm quyền hỗ trợ chính sách nhằm chủ động triển khai, rút ngắn thời gian thực hiện thẩm định hồ sơ, tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân tiếp cận chính sách của thành phố.

Ngoài ra, nhu cầu thực tiễn và chủ trương, định hướng phát triển nông nghiệp, nông thôn theo các Chương trình, Nghị quyết, Quyết định, Đề án của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thành ủy Đà Nẵng, Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về phát triển theo hướng “nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh” để triển khai thực hiện rà soát, điều chỉnh các nội dung chính sách như sau:

Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó giao: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương để đẩy mạnh thực hiện và nâng cao hiệu quả phát triển nông nghiệp, nông thôn. Bố trí ngân sách địa phương các cấp, huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế đầu tư vào phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025. Trong đó giao: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ triển khai Chương trình OCOP phù hợp với nội dung, định mức hỗ trợ của trung ương và điều kiện thực tế của địa phương.

Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Thành ủy Đà Nẵng về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong đó chỉ đạo: Rà soát, đánh giá hiệu quả và hoàn thiện các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn thành phố, gồm các cơ chế, chính sách về đất đai, tín dụng; chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp phục vụ du lịch; chính sách hỗ trợ phát triển giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nông thôn; chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã, làng nghề, sản phẩm OCOP và chính sách phát triển hoa, cây cảnh theo hướng đô thị, sinh thái.

Chương trình hành động số 30-CTr/TU ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Thành ủy Đà Nẵng về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn thành phố. Trong đó chỉ đạo rà soát, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, hỗ trợ phát triển khai thác xa bờ, phát triển dịch vụ hậu cần trên biển; chính sách khuyến khích hình thành các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; chính sách hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.

Quyết định số 858/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản đến năm 2030. Trong đó, giao Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản nông sản và cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của địa phương, đảm bảo bố trí nguồn kinh phí thực hiện.

Do đó, việc tham mưu Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng để tạo động lực phát triển trong thời gian đến là hết sức cần thiết. Ủy ban nhân dân thành phố đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiến hành rà soát, trình cấp có thẩm

quyền thống nhất chủ trương và triển khai xây dựng Nghị quyết theo đúng quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích

a) Văn bản được xây dựng trên tinh thần rà soát, điều chỉnh, bổ sung các nội dung chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố đảm bảo đồng bộ, hiệu quả và phù hợp với quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển nông nghiệp của Trung ương và địa phương. Trong đó, có một số nội dung chính sách khuyến khích, hỗ trợ nhiều hơn so với mặt bằng chung của cả nước nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp theo đúng định hướng của thành phố.

b) Tập trung tháo gỡ các khó khăn vướng mắc để hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiếp cận được chính sách của thành phố và đáp ứng mục tiêu xây dựng nền nông nghiệp sinh thái, hiện đại, bền vững, nâng cao giá trị gia tăng gắn với du lịch và đô thị.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

a) Chính sách được xây dựng trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện chính sách hiện có, tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách về đất đai, tín dụng, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp đô thị phục vụ du lịch; chính sách hỗ trợ phát triển giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nông thôn; chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã, làng nghề, sản phẩm OCOP và chính sách phát triển hoa, cây cảnh theo hướng đô thị, sinh thái; chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản nông sản và cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp.

b) Việc xây dựng chính sách nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn về phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố. Các nội dung đề xuất chính sách có tính chất đặc thù của thành phố và đảm bảo các quy định về quản lý tài chính, ngân sách hiện hành của nhà nước, đảm bảo nhu cầu và khả năng cân đối kinh phí của ngân sách thành phố hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn.

c) Việc xây dựng chính sách đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định và thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện, tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tiếp cận được các nội dung chính sách.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Cơ quan soạn thảo đã tuân thủ đúng quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, cụ thể:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thực hiện rà soát Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân

dân thành phố Đà Nẵng ban hành quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, gửi Sở Tư pháp tham gia ý kiến đối với hồ sơ rà soát (Công văn số 575/SNN-KHTCXD ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc tham gia ý kiến đối với hồ sơ rà soát văn bản quy phạm pháp luật) và lấy ý kiến của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố về kết quả rà soát (Công văn số 649/SNN-KHTCXD ngày 27 tháng 02 năm 2023). Sở Tư pháp đã có Công văn số 1036/STP-XDKTV ngày 24 tháng 02 năm 2023 và Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố có Công văn số 63/PC-HĐND ngày 08 tháng 03 năm 2023. Theo đó, thống nhất đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đề xuất ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Xây dựng và hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có văn bản lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan về hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết, gửi Sở Tư pháp thẩm định và thực hiện hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết. Ủy ban nhân dân thành phố đã thực hiện lấy ý kiến của các thành viên Ủy ban nhân dân thành phố và đã ban hành Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của HĐND thành phố Đà Nẵng ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

3. Ủy ban nhân dân thành phố đã có Tờ trình số 162/TTr-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2023 trình Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết và đã được Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố thống nhất chủ trương xây dựng Nghị quyết tại Công văn số 268/HĐND-KTNS ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020.

4. Trên cơ sở hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết đã được Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố thống nhất, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng dự thảo Nghị quyết và đã tổ chức lấy ý kiến dự thảo Nghị quyết gửi các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, xã phường và các doanh nghiệp, chủ thể OCOP trên địa bàn thành phố; đồng thời đề nghị Cổng thông tin điện tử thành phố đăng tải trong thời gian 30 ngày để tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến đối với dự thảo.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổng hợp, hoàn chỉnh nội dung dự thảo Nghị quyết theo ý kiến góp ý; tiếp thu, giải trình các nội dung đã góp ý để hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết và tổ chức 02 lần họp để góp ý, thống nhất nội dung chính sách.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thiện hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định và tiếp thu, giải trình, hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

7. Trên cơ sở Tờ trình số 5014/TTr-SNN ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân thành phố đã tổ chức họp các thành viên Ủy ban nhân dân thành phố và đã được các thành viên Ủy ban nhân dân thành phố thống nhất tại cuộc họp Ủy ban nhân dân thành phố chuyên đề theo Giấy mời số 1080/GM-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố.

8. Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét thông qua Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng tại kỳ họp lần thứ 15, kỳ họp cuối năm 2023.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bố cục

Nghị quyết gồm 03 Điều.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2.

2. Bổ sung Điều 7a. Hỗ trợ hình thành vùng sản xuất tập trung, chuyên canh, vùng sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ, sinh thái.

3. Bổ sung Điều 7b. Hỗ trợ cơ giới hóa nông nghiệp.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 2, Điều 8.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 2, Điều 9.

6. Sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 2, Điều 10.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 14.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 15.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 16.

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 20.

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 21.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Điều 3. Tổ chức thực hiện

2. Nội dung cơ bản

a) Nội dung 1: Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 như sau: Các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất nông nghiệp, nông thôn và tham gia chương trình mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

b) Nội dung 2: Hỗ trợ thực hiện tích tụ, tập trung đất đai để hình thành vùng sản xuất tập trung, chuyên canh, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ, sinh thái như sau:

- Hỗ trợ đối với tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng đất:

+ Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác để thực hiện tích tụ đất đai được hỗ trợ 01 lần bằng tiền với mức hỗ trợ 30 triệu đồng/ha¹.

+ Tổ chức, cá nhân cho thuê quyền sử dụng đất hoặc góp vốn bằng quyền sử dụng đất ổn định từ 05 năm trở lên để tích tụ, tập trung đất đai được hỗ trợ hàng năm 05 triệu đồng/ha/năm, thời gian hỗ trợ 05 năm².

- Hỗ trợ đối với tổ chức, cá nhân thực hiện tích tụ, tập trung đất đai để sản xuất:

+ Hỗ trợ tiền thuê đất của hộ gia đình, cá nhân có đất sản xuất nông nghiệp: Mức hỗ trợ 50% tiền thuê đất, tối đa không quá 20 triệu đồng/ha/năm, thời gian hỗ trợ 05 năm tính từ khi thực hiện xong các thủ tục thuê đất và phương án, dự án sản xuất đi vào hoạt động³.

+ Đối với dự án nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì được hỗ trợ tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mức hỗ trợ 20% theo đơn giá đất nhà nước quy định tại thời điểm nhận chuyển nhượng nhưng tối đa không quá 150 triệu đồng/ha⁴.

+ Trường hợp thực hiện tích tụ, tập trung bằng cả hai hình thức nêu trên thì được hỗ trợ bằng tổng các mức hỗ trợ theo quy định của chính sách.

- Hỗ trợ 100% phí, lệ phí phục vụ công tác đo đạc, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thực hiện tích tụ, tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp theo quy định hiện hành⁵.

- Đối với các dự án, phương án để hình thành khu, vùng sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản tập trung phục vụ phát triển kinh tế - xã hội theo quy

¹ Thái Bình hỗ trợ 2.800 đồng/m², tương đương 25 - 30 triệu đồng/ha.

² Thái Bình hỗ trợ 15-25kg thóc/360m²/năm, tương ứng 2,5 - 3,5 triệu đồng/năm

³ Hà Tĩnh hỗ trợ 70% thuê đất SX cây hàng năm, mức là 5 triệu đồng/ha; Thanh Hóa hỗ trợ từ 10 - 20 triệu đồng/ha/năm, thời gian 5 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động.

⁴ Hà Tĩnh hỗ trợ 1 lần 30% KP chuyển nhượng quyền sử dụng đất trồng cây hàng năm, quy mô 2 ha, tối đa không quá 140 triệu đồng/ha; Thanh Hóa hỗ trợ tiền nhận chuyển nhượng mức hỗ trợ từ 12,5% - 255, mức hỗ trợ từ 75 - 150 triệu đồng/ha.

⁵ Theo mức hỗ trợ của Thái Bình và có nghiên cứu dự thảo Luật Đất đai sửa đổi: Kinh phí cho công tác đo đạc, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất để thực hiện tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp do ngân sách nhà nước đảm bảo.

hoạch của thành phố phải thực hiện thu hồi, bồi thường, giải phóng mặt bằng, Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng phương án trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, chấp thuận⁶.

c) Nội dung 3: Hỗ trợ cơ giới hóa nông nghiệp

Hỗ trợ 50% kinh phí mua sắm máy móc, thiết bị, mức hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng/máy, thiết bị.

d) Nội dung 4: Điều chỉnh chính sách hỗ trợ sản xuất nấm thương phẩm, nấm dược liệu

Quy mô diện tích nhà nấm tối thiểu từ 100m² trở lên đối với nấm dược liệu và 200m² trở lên đối với nấm thương phẩm.

đ) Nội dung 5: Điều chỉnh chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản thâm canh, ứng dụng công nghệ cao

Quy mô diện tích nuôi trồng thủy sản tối thiểu phải đạt từ 3.000m² và phải nằm trong vùng nuôi trồng thủy sản tập trung theo kế hoạch nuôi trồng thủy sản của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

e) Nội dung 6: Điều chỉnh chính sách hỗ trợ phát triển trồng cây dược liệu

- Nội dung, mức hỗ trợ: Hỗ trợ 20 triệu đồng/ha nhưng tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án, phương án để đầu tư trồng cây dược liệu, trồng xen canh cây dược liệu, trường hợp trồng cây dược liệu trong nhà lưới, nhà kính, nhà màng thì được hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư nhưng không quá 01 tỷ đồng/dự án, phương án.

- Điều kiện hỗ trợ: Quy mô diện tích tối thiểu phải đạt từ 5.000m², trường hợp trồng xen canh dưới tán rừng thì phải có quy mô diện tích tối thiểu là 02ha và trồng trong nhà lưới, nhà màng, nhà kính phải có quy mô tối thiểu từ 500m² trở lên. Cây dược liệu phải thuộc danh mục cây dược liệu do Bộ Y tế ban hành.

g) Nội dung 7: Điều chỉnh chính sách hỗ trợ đầu tư hệ thống tưới tiên tiến, tưới tiết kiệm đối với cây trồng chủ lực (cây rau, hoa, cây cảnh, cây ăn quả, cây mía, chè, cây dược liệu và cây trồng khác).

Quy mô diện tích tối thiểu phải đạt từ 3.000m². Phải áp dụng quy trình kỹ thuật và thiết bị tiên tiến để tưới theo phương pháp nhỏ giọt, phun mưa, tưới ngầm, bảo đảm cấp nước theo nhu cầu của cây trồng cạn.

h) Nội dung 8: Điều chỉnh chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ, sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp đô thị, nông nghiệp phục vụ du lịch

- Hỗ trợ cấp giấy chứng nhận sản phẩm sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn hữu cơ: Hỗ trợ một lần 100% chi phí cấp chứng nhận sản phẩm phù hợp TCVN về nông nghiệp hữu cơ, bao gồm kể cả kinh phí xác định các vùng, khu vực đủ điều

⁶ Nghiên cứu theo điểm c, khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 và dự thảo sửa đổi Luật Đất đai năm 2023

kiện sản xuất hữu cơ, mức hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/lần (cấp lần đầu hoặc cấp lại).

- Hỗ trợ cấp mã số vùng trồng: Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã số vùng trồng, tối đa không quá 20 triệu đồng/đối tượng.

- Hỗ trợ sản xuất lúa theo tiêu chuẩn hữu cơ: Hỗ trợ 100% kinh phí phân tích mẫu đất, nước, tập huấn, đào tạo, khảo sát địa hình để xác định vùng, khu vực sản xuất hữu cơ; kinh phí mua giống, phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật hữu cơ, chế phẩm sinh học xử lý đất, xử lý phân hữu cơ, chi phí mạ khay, máy cấy, phun thuốc theo định mức khuyến nông, mức hỗ trợ tối đa không quá 30 triệu đồng/ha/vụ, hỗ trợ tối đa không quá 03 vụ liên tiếp.

- Hỗ trợ sản xuất rau, củ, quả, cây ăn quả theo tiêu chuẩn hữu cơ: Hỗ trợ 100% kinh phí phân tích mẫu đất, nước, tập huấn, đào tạo, khảo sát địa hình để xác định vùng, khu vực sản xuất hữu cơ; kinh phí mua giống, phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm sinh học xử lý đất, xử lý phân hữu cơ theo định mức khuyến nông, mức hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/ha, hỗ trợ tối đa không quá 02 vụ liên tiếp.

- Hỗ trợ chăn nuôi hữu cơ, an toàn sinh học (lợn, bò, dê, gà, cút): Hỗ trợ 100% kinh phí mua con giống, chế phẩm, thức ăn theo định mức khuyến nông, mức hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu đồng/dự án/phương án. Đối với dự án/phương án chăn nuôi có lắp đặt hệ thống làm mát, kiểm soát nhiệt độ tự động, bán tự động, lắp đặt hệ thống phân phối thức ăn, nước uống tự động, bán tự động thì được hỗ trợ thêm 50% chi phí, tối đa không quá 300 triệu đồng/dự án/phương án.

- Hỗ trợ mô hình nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp đô thị: Hỗ trợ 100% kinh phí mua giống, thức ăn, chế phẩm vi sinh xử lý phụ phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và thiết bị xử lý môi trường, tối đa không quá 100 triệu đồng/mô hình.

- Đối với các mô hình, dự án sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản gắn với du lịch nông thôn, du lịch sinh thái, trải nghiệm⁷:

- + Hỗ trợ 50% chi phí tư vấn, cải tạo cảnh quan, trồng hoa, cây cảnh, phát triển sản phẩm du lịch, tuyên truyền, quảng bá du lịch, sản phẩm OCOP, đặc trưng, chủ lực, mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng/mô hình.

- + Hỗ trợ chi phí đào tạo nghiệp vụ du lịch, kỹ năng phục vụ khách du lịch đối với nông dân, ngư dân, người tham gia sản xuất tại các mô hình, dự án sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản gắn với du lịch nông thôn, du lịch sinh thái, cộng đồng, trải nghiệm. Mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/mô hình, hỗ trợ 01 lần.

⁷ Thái Bình hỗ trợ 1 lần 50% chi phí tư vấn, cải tạo cảnh quan, phát triển sản phẩm du lịch, tuyên truyền quảng bá du lịch, không quá 500 triệu đồng/đối tượng; Hà Nội hỗ trợ 100% tư vấn thiết kế xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp kết hợp du lịch, không quá 300 triệu đồng/mô hình và 100% kinh phí đào tạo, tập huấn theo mức chi hiện hành. Điều kiện: Có phương án thiết kế, xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch, trải nghiệm được UBND cấp huyện phê duyệt.

i) Nội dung 9: Sửa đổi, bổ sung chính sách hỗ trợ chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP)

- Hỗ trợ đối với chủ thể có sản phẩm tham gia chương trình OCOP

+ Hỗ trợ kinh phí thuê tư vấn đánh giá và cấp chứng nhận sản phẩm sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP, hữu cơ), hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (ISO, HACCP, GMP,...): Hỗ trợ 100% kinh phí, tối đa không quá 100 triệu đồng đối với sản phẩm sản xuất theo quy trình hữu cơ, GLOBALGAP; hỗ trợ không quá 50 triệu đồng đối với sản phẩm sản xuất quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP, VietGAHP); hỗ trợ không quá 30 triệu đồng đối với hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (ISO, HACCP, GMP,...). Chỉ hỗ trợ đối với chứng nhận lần đầu hoặc hồ sơ đăng ký tham gia đánh giá, phân hạng lại sản phẩm OCOP.

+ Hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ phục vụ sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, đóng gói và kho lạnh bảo quản sản phẩm OCOP, tối đa không quá 500 triệu đồng đối với chủ thể là doanh nghiệp; hợp tác xã, tổ hợp tác và không quá 300 triệu đồng đối với chủ thể là hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh.

+ Hỗ trợ xây dựng liên kết chuỗi giá trị sản phẩm OCOP: Hỗ trợ tối đa không quá 70% kinh phí thực hiện kế hoạch, dự án liên kết theo cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa không quá 300 triệu đồng/kế hoạch, dự án liên kết.

+ Hỗ trợ 100% chi phí thiết lập mã QR code, mã vạch, tối đa không quá 10 triệu đồng/sản phẩm và không quá 30 triệu đồng/chủ thể.

+ Hỗ trợ 100% chi phí thiết kế, in ấn nhãn hàng hóa, bao bì sản phẩm, tối đa không quá 15 triệu đồng/sản phẩm và không quá 30 triệu đồng/chủ thể OCOP.

+ Hỗ trợ 100% chi phí xây dựng, đăng ký nhãn hiệu, xây dựng trang thông tin điện tử, đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử, mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/nhãn hiệu và không quá 30 triệu đồng đối với xây dựng trang thông tin điện tử, đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử.

+ Hỗ trợ tham gia hội chợ, triển lãm: Hỗ trợ 100% chi phí (thuê, trang trí gian hàng, trang trí, vận chuyển,...), tối đa không quá 15 triệu đồng/chủ thể đối với hội chợ, triển lãm trong thành phố; hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/chủ thể đối với tham gia hội chợ ngoài thành phố và không quá 100 triệu đồng/chủ thể đối với tham gia hội chợ nước ngoài, mỗi chủ thể được hỗ trợ không quá 02 lần tham gia/năm.

+ Chi thưởng cho các chủ thể có sản phẩm được đánh giá, công nhận sản phẩm OCOP: sản phẩm đạt hạng 05 sao: 20 triệu đồng/sản phẩm; sản phẩm đạt hạng 4 sao: 15 triệu đồng/sản phẩm; sản phẩm đạt hạng 3 sao: 10 triệu đồng/sản phẩm. Mỗi chủ thể chỉ được thưởng tối đa 05 sản phẩm. Mỗi sản phẩm chỉ được thưởng 01 lần ở cùng mức độ sao được công nhận, trường hợp được công nhận nâng hạng sao thì được nhận thưởng thêm phần chênh lệch giữa hai mức độ sao.

- Nội dung, mức chi triển khai thực hiện chương trình OCOP

+ Chi xây dựng đề án, dự án, kế hoạch, hỗ trợ tư vấn phát triển sản phẩm, xây dựng hồ sơ sản phẩm: Thực hiện theo các quy định hiện hành và theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Chi truyền thông, thông tin tuyên truyền: Thủ trưởng các cơ quan căn cứ nhiệm vụ và dự toán kinh phí được giao, chịu trách nhiệm lựa chọn hình thức, nội dung truyền thông tuyên truyền đảm bảo đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả trong phạm vi dự toán được giao.

+ Chi trưng bày, triển lãm giới thiệu sản phẩm OCOP tại các cuộc hội nghị, hội thảo, diễn đàn, tham gia hội chợ theo đoàn chung của thành phố Đà Nẵng: Mức chi theo thực tế phát sinh, thực hiện theo quy định hiện hành và giao thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ quyết định.

+ Chi hội nghị, tập huấn: Nội dung, mức chi cụ thể thực hiện theo Nghị quyết số 95/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định mức chi công tác phí, chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố. Riêng đối với hội thảo, diễn đàn, tọa đàm có tính chất khoa học thì thực hiện theo mức chi quy định đối với nhiệm vụ khoa học công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố.

+ Chi tham quan, học tập kinh nghiệm thực hiện chương trình OCOP: Nội dung, mức chi cụ thể thực hiện theo Nghị quyết số 95/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định mức chi công tác phí. Đối với tham quan, học tập kinh nghiệm nước ngoài thực hiện theo Thông tư số 102/2012/TT-BCT ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí và phải được Ủy ban nhân dân thành phố thống nhất.

+ Chi họp hội đồng, tổ tư vấn hội đồng đánh giá phân hạng sản phẩm OCOP các cấp (cấp thành phố, quận, huyện): Nội dung chi họp hội đồng được áp dụng theo mức chi họp hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ; chi hoạt động thẩm định của tổ tư vấn hội đồng được áp dụng theo mức chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố.

+ Chi phí thực hiện kiểm nghiệm, phân tích độc lập các chỉ tiêu an toàn thực phẩm phục vụ đánh giá, phân hạng sản phẩm: Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Chi xây dựng, duy trì, nâng cấp hệ thống phần mềm đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP và hệ thống phần mềm lưu trữ, truy xuất hồ sơ, dữ liệu liên quan Chương trình OCOP, hỗ trợ tem OCOP: Mức chi theo thực tế phát sinh, thực hiện theo quy định hiện hành và giao thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ quyết định.

+ Chỉ cho công tác tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình OCOP và chỉ khác: Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

k) Nội dung 10: Sửa đổi, bổ sung chính sách hỗ trợ xây dựng Trung tâm OCOP, xây dựng/nâng cấp điểm bán sản phẩm OCOP, chủ lực, đặc trưng

- Hỗ trợ xây dựng, nâng cấp điểm bán sản phẩm OCOP, nông nghiệp, chủ lực, đặc trưng: Hỗ trợ 50% kinh phí xây dựng mới, sửa chữa, mua giá, kệ trưng bày sản phẩm, bảng hiệu, tủ bảo quản sản phẩm, trang trí điểm bán hàng và các hạng mục cần thiết khác, tối đa không quá 100 triệu đồng/Điểm.

Riêng đối với chủ thể OCOP có sản phẩm đạt từ 3 sao trở lên thực hiện sửa chữa nhỏ, mua giá, kệ, trang trí bảng hiệu, tủ bảo quản sản phẩm và các hạng mục khác để trưng bày, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm OCOP thì được hỗ trợ 50% kinh phí, tối đa không quá 50 triệu đồng/điểm.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng Trung tâm OCOP: Hỗ trợ 50% kinh phí xây dựng Trung tâm OCOP (xây dựng mới, sửa chữa, mua giá, kệ trưng bày sản phẩm, bảng hiệu, tủ bảo quản sản phẩm, trang trí điểm bán hàng và các hạng mục cần thiết khác), tối đa không quá 500 triệu đồng/trung tâm OCOP cấp quận, huyện và 01 tỷ đồng/Trung tâm OCOP cấp thành phố. Trường hợp chủ thể là các cơ quan, đơn vị của nhà nước thì được đầu tư 100% kinh phí theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền hoặc được sử dụng từ nguồn kinh phí Quỹ hoạt động sự nghiệp (đơn vị sự nghiệp có thu) để đầu tư⁸.

3. Về hồ sơ, trình tự, thủ tục: Đã rà soát, điều chỉnh hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện chính sách theo hướng tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong thời gian qua và thực hiện sửa đổi, bổ sung phù hợp với điều kiện của thực tế, yêu cầu phát triển nông nghiệp của thành phố và tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân tiếp cận các nội dung chính sách. Nội dung cụ thể về hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện chính sách được thể hiện trong dự thảo Nghị quyết và bản đánh giá thủ tục hành chính đính kèm.

4. Tổng nhu cầu kinh phí hỗ trợ hàng năm: 14 tỷ đồng⁹, trong đó:

a) Vốn từ nguồn chi thường xuyên thực hiện chính sách: 7,850 tỷ đồng.

⁸ Huế hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu đồng/cấp huyện và 300 triệu đồng/trung tâm cấp tỉnh; Quảng Nam hỗ trợ không quá 500 triệu đồng/TT cấp huyện và 1.000 triệu đồng/TT cấp thành phố;

⁹ Kinh phí và nguồn kinh phí tại giai đoạn xây dựng Nghị quyết vẫn đảm bảo, không tăng so với nhu cầu kinh phí tại Tờ trình số 162/TTr-UBND ngày 04/10/2023, chỉ thay đổi kinh phí giữa các nội dung chính sách và phân nguồn kinh phí. Đồng thời kinh phí này giảm so với dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách tại Tờ trình số 4011/TTr-SNN ngày 22/6/2020 về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố là 21,250 tỷ đồng, trong đó: vốn chi thường xuyên thực hiện chính sách là 13,275 tỷ đồng, vốn lồng ghép là 7,975 tỷ đồng.

b) Vốn lồng ghép từ nguồn kinh phí sự nghiệp, khuyến công, khoa học công nghệ, chương trình, dự án và vốn hỗ trợ khác: 6,150 tỷ đồng.

Nguồn kinh phí thực hiện chính sách giảm so với dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng và đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của thành phố.

V. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH VÀ ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Cơ quan soạn thảo đã thực hiện đánh giá tác động chính sách của dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, trong đó đã đánh giá cụ thể các tác động tích cực, tiêu cực của chính sách trên từng mặt tác động về kinh tế, xã hội, về giới, đối với hệ thống pháp luật, tác động của thủ tục hành chính đối với nhà nước, tổ chức, cá nhân.

Trên cơ sở kết quả đánh giá đã đề xuất giải pháp Nghị quyết sửa đổi, bổ sung được lựa chọn nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của chính sách hiện có, đảm bảo thực hiện các chủ trương, định hướng về phát triển nông nghiệp, nông thôn và phù hợp với điều kiện thực tiễn của thành phố, tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân tiếp cận nội dung chính sách hỗ trợ, góp phần phát triển toàn diện, hiệu quả nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố. Thẩm quyền ban hành chính sách là của Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Cơ quan soạn thảo cũng đã đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị quyết theo quy định tại Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (đính kèm Bản đánh giá thủ tục hành chính của dự án, dự thảo văn bản; Biểu đánh giá tác động của thủ tục hành chính và Biểu tính chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trong dự án, dự thảo văn bản theo quy định).

Kết quả đánh giá cho thấy việc quy định thủ tục hành chính như dự thảo Nghị quyết là cần thiết, đảm bảo tính hợp lý, các thành phần cấu thành thủ tục hành chính được quy định cụ thể, có mẫu hướng dẫn, rõ ràng và phù hợp. Chi phí thực hiện thủ tục hành chính cho 01 đối tượng tuân thủ giảm 7% đối với thủ tục hành chính phê duyệt kinh phí hỗ trợ và giảm 3% đối với thủ tục hành chính nghiệm thu, thanh toán kinh phí hỗ trợ sau khi thành phần hồ sơ, quy trình tiếp nhận hồ sơ được điều chỉnh, sửa đổi, cắt giảm theo thủ tục mới tại dự thảo Nghị quyết so với thủ tục hành chính được quy định tại Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng. Tóm lại việc cắt giảm thành phần hồ sơ, chuẩn hóa trình tự, thủ tục như dự thảo

Nghị quyết là phù hợp, tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tiếp cận nội dung chính sách, góp phần giảm chi phí tuân thủ của tổ chức cá nhân và chi phí thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước.

VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, trên cơ sở tình hình thực tế và ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị đã hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết. Trong đó, có một số nội dung chính sách có điều chỉnh, thay đổi so với nội dung đã trình trong hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết (theo Tờ trình số 162/TTr-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố) trình Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố (đã được Hội đồng nhân dân thành phố thông qua tại Công văn số 268/HĐND-KTNS ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020). Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố kính báo cáo, giải trình và xin ý kiến Hội đồng nhân dân thành phố như sau:

1. Chính sách hỗ trợ hình thành vùng sản xuất tập trung, chuyên canh, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ, sinh thái (điều 7a dự thảo Nghị quyết): Tại đề nghị xây dựng Nghị quyết đã đề xuất chính sách hỗ trợ tiền thuê đất và hỗ trợ liên kết bằng hình thức góp vốn quyền sử dụng đất cho tổ chức, cá nhân thực hiện tích tụ, tập trung đất đai, chưa có chính sách hỗ trợ đối với tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng đất, chính sách hỗ trợ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Điều 73 Luật Đất đai cũng như chính sách thực hiện giải tỏa, thu hồi đối với các dự án thực hiện theo điểm c khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013. Từ thực tế vướng mắc về đất đai trong sản xuất nông nghiệp hiện nay, nhất là việc hình thành, đưa các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vào hoạt động, đã thực hiện nghiên cứu các quy định về đất đai, các chính sách hỗ trợ của các địa phương trong nước và điều chỉnh, bổ sung các nội dung, chính sách như sau:

a) Hỗ trợ đối với tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng đất nông nghiệp thực hiện tích tụ, tập trung đất đai:

- Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho tổ chức, hội gia đình, cá nhân khác để thực hiện tích tụ đất đai được hỗ trợ 01 lần bằng tiền với mức hỗ trợ 30 triệu đồng/ha¹⁰.

- Tổ chức, cá nhân cho thuê quyền sử dụng đất hoặc góp vốn bằng quyền sử dụng đất ổn định từ 05 năm trở lên để tích tụ, tập trung đất đai được hỗ trợ hàng năm 05 triệu đồng/ha/năm, thời gian hỗ trợ 05 năm¹¹.

b) Hỗ trợ đối với tổ chức, cá nhân thực hiện tích tụ, tập trung đất đai

- Đối với dự án nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì được hỗ trợ tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mức hỗ trợ 20% theo đơn giá đất

¹⁰ Thái Bình hỗ trợ 2.800 đồng/m², tương đương 25-30 tr.đ/ha (NQ số 83/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023).

¹¹ Thái Bình hỗ trợ 15-25kg thóc/360m²/năm, tương ứng 2,5 – 3,5 triệu đồng/năm

nhà nước quy định tại thời điểm nhận chuyển nhượng nhưng tối đa không quá 150 triệu đồng/ha¹².

- Trường hợp thực hiện liên kết bằng cả hai hình thức nêu trên thì được hỗ trợ bằng tổng các mức hỗ trợ theo quy định của chính sách.

- Hỗ trợ 100% phí, lệ phí phục vụ công tác đo đạc, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thực hiện tích tụ, tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp theo quy định hiện hành.

c) Đối với các dự án, phương án để hình thành khu, vùng sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản tập trung phục vụ phát triển kinh tế - xã hội theo quy hoạch của thành phố phải thực hiện thu hồi, bồi thường, giải phóng mặt bằng, Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng phương án trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, chấp thuận¹³.

Lý do điều chỉnh, bổ sung: Nhiệm vụ trọng tâm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố và Chương trình hành động thực hiện phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn là đẩy nhanh tiến độ hình thành khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trong đó tập trung hình thành 03 vùng Hòa Phú, Hòa Phong, Hòa Khương. Đến nay đã có 02 vùng được phê duyệt chủ trương đầu tư hạ tầng kỹ thuật đến hàng rào dự án và dự kiến cuối năm 2023 hoàn thành xong 01 vùng tại Hòa Phú và Quý I năm 2024 sẽ hình thành 01 vùng tại Hòa Khương - Hòa Phong. Tuy nhiên, việc triển khai thu hút doanh nghiệp đầu tư để đưa vào hoạt động tại các vùng này đang gặp nhiều khó khăn, vướng mắc về đất đai, theo báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện Hòa Vang thì việc kêu gọi đầu tư thực hiện dự án thông qua hình thức nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 73 của Luật Đất đai năm 2013 rất khó thực hiện.

Do đó, trên cơ sở khó khăn, vướng mắc hiện nay về tình hình thu hút đầu tư tại vùng, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn thành phố hiện nay, nghiên cứu quy định về Luật Đất đai năm 2013, dự thảo Luật Đất đai năm 2023 và các cơ chế, chính sách hỗ trợ tích tụ, tập trung đất đai sản xuất nông nghiệp trong cả nước, tại dự thảo Nghị quyết đã thực hiện điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các nội dung chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn về chính sách đất đai liên quan đến sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố.

¹² Hà Tĩnh hỗ trợ 1 lần 30% KP chuyển nhượng QSDĐ cây hàng năm, quy mô 2 ha, tối đa không quá 140 triệu đồng/ha; Thanh Hóa hỗ trợ tiền nhận chuyển nhượng mức hỗ trợ từ 12,5% - 25%, mức hỗ trợ từ 75 - 150 triệu đồng/ha (bảng giá đất tại Đà Nẵng hiện nay là 980 triệu đồng/ha đối với đất trồng cây hàng năm, 490 triệu đồng/ha đối với đất trồng cây lâu năm; 560 triệu đồng/ha đối với đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản và 140 triệu đồng/ha đối với đất rừng sản xuất. Thực tế giá đất chuyển nhượng cao hơn rất nhiều so với giá đất Nhà nước ban hành)

¹³ Nghiên cứu theo điểm c, khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 và dự thảo sửa đổi Luật Đất đai năm 2023 và yêu cầu về hình thành vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố và Nghị quyết 19 của Ban chấp hành TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Đồng thời trên cơ sở của UBND huyện Hòa Vang về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để đưa các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vào hoạt động.

2. Về chính sách hỗ trợ cây dược liệu: tại đề nghị xây dựng Nghị quyết đề xuất sửa đổi, bổ sung về quy mô, điều kiện diện tích: “Quy mô diện tích tối thiểu phải đạt từ 01 ha trở lên, trường hợp trồng trong nhà lưới, nhà màng, nhà kính phải có quy mô tối thiểu từ 3.000m² trở lên”. Tuy nhiên, tại dự thảo Nghị quyết đề nghị điều chỉnh, sửa đổi nội dung Điều 10 như sau:

Điều 10. Hỗ trợ trồng cây dược liệu và trồng xen canh cây dược liệu

a) Nội dung, mức hỗ trợ: Hỗ trợ 20 triệu đồng/ha nhưng tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án, phương án để đầu tư trồng cây dược liệu, trồng xen canh cây dược liệu, trường hợp trồng cây dược liệu trong nhà lưới, nhà kính, nhà màng thì được hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư nhưng không quá 01 tỷ đồng/dự án, phương án.

b) Điều kiện hỗ trợ

- Quy mô diện tích tối thiểu phải đạt từ 5.000m², trường hợp trồng xen canh dưới tán rừng thì phải có quy mô diện tích tối thiểu là 02 ha và trồng trong nhà lưới, nhà màng, nhà kính phải có quy mô tối thiểu từ 500m² trở lên.

- Cây dược liệu phải thuộc danh mục cây dược liệu do Bộ Y tế ban hành.

Lý do điều chỉnh: Từ khi ban hành Nghị quyết 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 đến nay trên địa bàn thành phố vẫn chưa có tổ chức, cá nhân được hưởng ưu đãi, chính sách hỗ trợ trồng cây dược liệu. Để đẩy mạnh phát triển cây dược liệu bên cạnh việc điều chỉnh giảm quy mô, diện tích thì cần điều chỉnh, bổ sung chính sách hỗ trợ trồng xen canh cây dược liệu dưới tán rừng, cây dược xen cây các loại cây ăn quả, cây trồng khác nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông lâm nghiệp và điều chỉnh giảm mức hỗ trợ tối đa không quá 01 tỷ đồng/dự án, phương án xuống còn 500 triệu đồng/dự án, phương án. Việc đề xuất điều chỉnh nhằm đảm bảo phù hợp với điều kiện của thành phố Đà Nẵng và tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ phát triển cây dược liệu trên địa bàn thành phố.

3. Về điều chỉnh quy mô điều kiện hỗ trợ hệ thống tưới tiên tiến tưới tiết kiệm theo khoản 2 Điều 11, tại dự thảo Nghị quyết đề nghị điều chỉnh như sau:

“a) Quy mô diện tích tối thiểu phải đạt từ 3.000m² trở lên”.

b) Phải áp dụng quy trình kỹ thuật và thiết bị tiên tiến để tưới theo phương pháp nhỏ giọt, phun mưa, tưới ngầm, bảo đảm cấp nước theo nhu cầu của cây trồng cạn.

Lý do xin điều chỉnh: Điều chỉnh thống nhất các loại cây trồng đều có quy mô diện tích là từ 3.000m² trở lên và bổ sung quy định về biện pháp áp dụng tưới tiên tiến, tưới tiết kiệm nhằm thuận lợi trong việc thực hiện chính sách.

4. Về chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ, sinh thái, tuần hoàn, nông nghiệp đô thị, nông nghiệp gắn với phục vụ du lịch sinh thái, trải nghiệm: Về cơ bản không thay đổi nhiều so với nội dung tại hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết, tại dự thảo Nghị quyết đã nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến góp ý

và điều chỉnh theo hướng phát triển nông nghiệp hữu cơ, sinh thái, tuần hoàn gắn với du lịch, đô thị như sau:

a) Hỗ trợ cấp giấy chứng nhận sản phẩm sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn hữu cơ: Hỗ trợ một lần 100% chi phí cấp chứng nhận sản phẩm phù hợp TCVN về nông nghiệp hữu cơ, bao gồm kể cả kinh phí xác định các vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất hữu cơ, mức hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/lần, cấp lần đầu hoặc cấp lại (không thay đổi).

b) Hỗ trợ cấp mã số vùng trồng: Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã số vùng trồng, tối đa không quá 20 triệu đồng/đối tượng (giảm từ mức hỗ trợ 50 triệu đồng xuống còn 20 triệu đồng cho phù hợp với thực tế).

c) Hỗ trợ sản xuất lúa theo tiêu chuẩn hữu cơ: Hỗ trợ 100% kinh phí phân tích mẫu đất, nước, tập huấn, đào tạo, khảo sát địa hình để xác định vùng, khu vực sản xuất hữu cơ; kinh phí mua giống, phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật hữu cơ, chế phẩm sinh học xử lý đất, xử lý phân hữu cơ, chi phí mạ khay, máy cấy, phun thuốc theo định mức khuyến nông, mức hỗ trợ tối đa không quá 30 triệu đồng/ha/vụ, hỗ trợ tối đa không qua 03 vụ liên tiếp (mức hỗ trợ không đổi, chỉ điều chỉnh nội dung chi tiết các khoản chi phí hỗ trợ nhằm thuận lợi trong quá trình thực hiện).

d) Hỗ trợ sản xuất rau, củ, quả, cây ăn quả theo tiêu chuẩn hữu cơ: Hỗ trợ 100% kinh phí phân tích mẫu đất, nước, tập huấn, đào tạo, khảo sát địa hình để xác định vùng, khu vực sản xuất hữu cơ; kinh phí mua giống, phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm sinh học xử lý đất, xử lý phân hữu cơ theo định mức khuyến nông, mức hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/ha, hỗ trợ tối đa không quá 02 vụ liên tiếp (mức hỗ trợ không đổi, chỉ điều chỉnh nội dung chi tiết các khoản chi phí hỗ trợ nhằm thuận lợi trong quá trình thực hiện).

đ) Hỗ trợ chăn nuôi hữu cơ, an toàn sinh học (lợn, bò, dê, gà, cút): Hỗ trợ 100% kinh phí mua con giống, chế phẩm, thức ăn theo định mức khuyến nông, mức hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu đồng/dự án/phương án. Đối với dự án/phương án chăn nuôi có lắp đặt hệ thống làm mát, kiểm soát nhiệt độ tự động, bán tự động, lắp đặt hệ thống phân phối thức ăn, nước uống tự động, bán tự động thì được hỗ trợ thêm 50% chi phí, tối đa không quá 300 triệu đồng/dự án/phương án (nội dung không đổi, chỉ bổ sung đối tượng hưởng chính sách là chăn nuôi chim cút nhằm tạo thuận lợi phát triển chăn nuôi an toàn, đảm bảo môi trường đối với các hộ nuôi chim cút, nhất là vùng, khu vực nuôi chim cút tại xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang).

e) Hỗ trợ mô hình nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp đô thị: Hỗ trợ 100% kinh phí mua giống, thức ăn, chế phẩm vi sinh xử lý phụ phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và thiết bị xử lý môi trường, tối đa không quá 100 triệu đồng/mô hình (mức hỗ trợ không thay đổi, bổ sung mô hình nông nghiệp đô thị và điều chỉnh chi tiết các khoản chi phí hỗ trợ nhằm thuận lợi trong quá trình thực hiện).

g) Đối với các mô hình, dự án sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và sản xuất nông lâm kết hợp gắn với phục vụ du lịch sinh thái, trải nghiệm¹⁴:

- Hỗ trợ 50% chi phí sản xuất theo định mức khuyến nông và chi phí tư vấn, cải tạo cảnh quan, trồng hoa, cây cảnh, phát triển sản phẩm du lịch, tuyên truyền, quảng bá du lịch, sản phẩm OCOP, đặc trưng, chủ lực, mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng/mô hình (mức hỗ trợ không thay đổi, bổ sung nội dung về hỗ trợ chi phí sản xuất nông nghiệp)

- Hỗ trợ chi phí đào tạo nghiệp vụ du lịch, kỹ năng phục vụ khách du lịch đối với nông dân, ngư dân, người tham gia sản xuất tại các mô hình, dự án sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản gắn với du lịch nông thôn, du lịch sinh thái, cộng đồng, trải nghiệm. Mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/mô hình, hỗ trợ 01 lần (không thay đổi).

Lý do điều chỉnh: Về cơ bản không có sự thay đổi lớn về nội dung chính sách, chỉ điều chỉnh, sửa đổi một số nội dung nhằm đảm bảo phù hợp với thực tế và tạo thuận lợi trong quá trình thực hiện nhằm phát triển nông nghiệp theo đúng định hướng nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, nông nghiệp đô thị gắn với phục vụ du lịch sinh thái, trải nghiệm.

5. Về hỗ trợ chương trình mỗi xã một sản phẩm: Cơ bản nội dung chính sách không thay đổi, chỉ điều chỉnh tăng mức hỗ trợ xây dựng trang thông tin điện tử, đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử từ 15 triệu đồng lên 30 triệu đồng theo góp ý của Ủy ban nhân dân huyện Hòa Vang và phù hợp với chi phí thực tế hiện nay.

6. Về hỗ trợ xây dựng, nâng cấp điểm bán sản phẩm OCOP, nông nghiệp, chủ lực, đặc trưng và Trung tâm OCOP: Nội dung mức hỗ trợ không thay đổi, bổ sung cụ thể hóa các khoản mục hỗ trợ và bổ sung thêm nội dung hỗ trợ cho các chủ thể được công nhận OCOP cải tạo, nâng cấp để hình thành điểm trưng bày, tiêu thụ sản phẩm OCOP như sau: Đối với chủ thể OCOP có sản phẩm đạt từ 3 sao trở lên thực hiện sửa chữa nhỏ, mua giá, kệ, trang trí bảng hiệu, tủ bảo quản sản phẩm và các hạng mục khác để trưng bày, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm OCOP thì được hỗ trợ 50% kinh phí, tối đa không quá 50 triệu đồng/điểm.

Lý do xin điều chỉnh: Về cơ bản không có sự thay đổi về nội dung, mức hỗ trợ, chỉ điều chỉnh, sửa đổi và cụ thể hóa các khoản mục kinh phí hỗ trợ nhằm tạo điều kiện cho các chủ thể đẩy mạnh việc tiêu thụ sản phẩm OCOP, tiếp tục hình thành các Điểm trưng bày OCOP trên địa bàn thành phố phù hợp với quy mô sản xuất của các chủ thể OCOP.

7. Về dự kiến nhu cầu kinh phí: Trên cơ sở nội dung dự thảo chính sách hỗ trợ, đã thực hiện rà soát, dự kiến nhu cầu kinh phí không thay đổi so với nhu

¹⁴ Thái Bình hỗ trợ 1 lần 50% chi phí tư vấn, cải tạo cảnh quan, phát triển sản phẩm du lịch, tuyên truyền quảng bá du lịch, không quá 500 triệu đồng/đối tượng; Hà Nội hỗ trợ 100% tư vấn thiết kế xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp kết hợp du lịch, không quá 300 triệu đồng/mô hình và 100% kinh phí đào tạo, tập huấn theo mức. chi hiện hành. Điều kiện: Có phương án thiết kế, xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch, trải nghiệm được UBND cấp huyện phê duyệt

cầu kinh phí đã đề xuất tại Tờ trình số 162/TTr-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, chỉ thay đổi tính chất nguồn kinh phí phù hợp với nội dung hỗ trợ theo hướng tăng nguồn kinh phí lồng ghép trong việc thực hiện các nội dung chính sách.

Lý do: Có một số nội dung mức hỗ trợ bổ sung (hỗ trợ đất đai,...) nhưng cũng có nội dung mức hỗ trợ điều chỉnh giảm (hỗ trợ cây dược liệu, mã số vùng trồng,...) nên cơ bản tổng nhu cầu kinh phí không thay đổi, trường hợp có tăng thì cũng không đáng kể so với dự báo nhu cầu thực hiện chính sách và phù hợp với điều kiện, khả năng cân đối kinh phí thành phố.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, kính trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Các ủy viên UBND thành phố;
- Các Sở: NN&PTNT, Tư pháp;
- Lưu: VT, SNN, KT.

12/11/2023



Trần Chí Cường

BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ TỔNG QUAN

Ngày 17 tháng 10 năm 2023, HĐND thành phố Đà Nẵng có văn bản số 268/HĐND-KTNS về việc xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020. Theo đó, thống nhất chủ trương xây dựng Nghị quyết theo đề nghị của UBND thành phố tại Tờ trình số 162/TTr-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2023 về đề nghị xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Qua 02 năm thực hiện Nghị quyết số 329/2022/NQ-HĐND, sự thay đổi của các cơ sở pháp lý và tình hình phát triển kinh tế - xã hội đặt ra yêu cầu phải rà soát, điều chỉnh Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp được tiếp cận chính sách. Theo đó, cần điều chỉnh các nội dung, định mức, điều kiện hỗ trợ dẫn đến sự cần thiết phải điều chỉnh về thẩm quyền, hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện chính sách. Đặt ra yêu cầu phải rà soát, điều chỉnh Chương III Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện của Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của HĐND thành phố Đà Nẵng ban hành quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Do đó, đề nghị sửa đổi, bổ sung 02 thủ tục hành chính:

1. Thủ tục thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn
2. Thủ tục nghiệm thu và thanh toán kinh phí hỗ trợ (chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn).

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Cơ quan chủ trì soạn thảo tổng hợp kết quả đánh giá tác động của thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại các biểu mẫu kèm theo.

III. LẤY Ý KIẾN

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có Công văn số 4424/SNN-VP ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc xin ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng gửi Văn phòng UBND thành phố và các cá nhân, tổ chức có liên quan (trong đó có dự thảo Bản đánh giá thủ tục hành chính của dự thảo).

Trên cơ sở ý kiến phản hồi của các cơ quan, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổng hợp, giải trình, tiếp thu các nội dung ý kiến góp ý và điều chỉnh bản đánh giá thủ tục hành chính và đã tổng hợp vào dự thảo Tờ trình theo ý kiến góp ý, thẩm định của Sở Tư pháp.

Biểu mẫu số 03/ĐGTD-QĐCT/SĐBS. Đánh giá tác động của thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung trong dự án, dự thảo văn bản

BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN

Tên dự án, dự thảo văn bản: Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 1: HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</i>	1. Khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020)
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i>	
1. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có x Không ☐ Nêu rõ lý do: Dự thảo quy định rõ trình tự các bước thực hiện thủ tục hành chính: - Nộp hồ sơ tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - trong thời gian 20 ngày làm việc, Sở tổ chức hội đồng thẩm định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ - Căn cứ vào tổng mức kinh phí đề nghị hỗ trợ, dưới 500 triệu đồng: Giám đốc Sở quyết định. Từ 500 triệu đồng trở lên: Sở trình Chủ tịch UBND thành phố quyết định. - Sở thông báo kết quả cho tổ chức, cá nhân.
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức	Có x Không ☐ Nêu rõ lý do: Thủ tục hành chính quy định cụ thể, rõ ràng trách

khi thực hiện không?	nhiệm của Sở, của thành viên hội đồng, của Giám đốc Sở/Chủ tịch UBND thành phố trong việc thực hiện thủ tục hành chính
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có x Không ☐ Nêu rõ lý do: Thực hiện theo thủ tục tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có x Không ☐ Nếu CÓ, nêu rõ nội dung quy định: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời gian nhận hồ sơ hỗ trợ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức họp hội đồng thẩm định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ. Thành phần hội đồng: Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là Chủ tịch Hội đồng, thành viên là đại diện lãnh đạo UBND quận, huyện và các sở, ngành có liên quan. Trường hợp cần xác minh thông tin, đi thực tế cơ sở để xác định nội dung đề xuất chính sách hỗ trợ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức đi kiểm tra thực tế tại cơ sở. Lý do quy định: Việc quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế để thẩm định việc đảm bảo các điều kiện để hưởng chính sách hỗ trợ của các chủ thể. Đảm bảo sự chính xác, công bằng, khách quan trong thực hiện chính sách - Các biện pháp có thể thay thế: Có ☐ Không x
2. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp x Bưu chính x Điện tử x b) Nhận kết quả: Trực tiếp x Bưu chính ☐ Điện tử ☐	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có x Không ☐ Nêu rõ lý do: Quy định cụ thể: nộp hồ sơ tại bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Đà Nẵng - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có x Không ☐ Nêu rõ lý do: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo kết

	quả cho tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ
3. Thành phần, số lượng hồ sơ	
a) Đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ các mô hình, dự án phát triển sản xuất nông nghiệp, hỗ trợ đầu tư, nâng cấp cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm (từ điều 7 đến điều 14) - Đơn đề nghị hỗ trợ có xác nhận của UBND cấp xã (theo mẫu 01); - Báo cáo thuyết minh mô hình, dự án phương án sản xuất nông nghiệp có kèm dự toán chi tiết kinh phí thực hiện (theo mẫu 02); - Hồ sơ thiết kế, bản vẽ đối với nội dung đề nghị hỗ trợ mô hình, dự án sản xuất nông nghiệp (nếu có) - Hồ sơ pháp lý liên quan đến tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ và các văn bản khác có liên quan đến nội dung đề xuất hỗ trợ.	- Nêu rõ lý do quy định: để đảm bảo sự thống nhất, minh bạch cho các chủ thể khi nộp hồ sơ; thuận lợi cho các chủ thể thẩm định, phê duyệt hỗ trợ trong việc xem xét, quyết định hỗ trợ. - Yêu cầu về hình thức: đơn đề nghị hỗ trợ, báo cáo thuyết minh mô hình, phương án sản xuất thực hiện theo mẫu. - Lý do quy định: để đảm bảo sự thống nhất, minh bạch cho các chủ thể khi nộp hồ sơ; thuận lợi cho các chủ thể thẩm định, phê duyệt hỗ trợ trong việc xem xét, quyết định hỗ trợ.
b) Đối với hồ sơ hỗ trợ của các chủ thể tham gia Chương trình mỗi xã một sản phẩm (theo khoản 1 điều 15 và Điều 16) - Đơn đề nghị hỗ trợ chương trình OCOP có xác nhận của UBND cấp xã (theo mẫu 03); - Báo cáo thuyết minh mô hình, dự án phương án có kèm dự toán chi tiết kinh phí thực hiện đối với nội dung hỗ trợ theo quy định tại điểm b,c khoản 1 điều 15 và Điều 16 (theo mẫu 02). - Hồ sơ pháp lý liên quan đến tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ và các văn bản khác có liên	- Nêu rõ lý do quy định: để đảm bảo sự thống nhất, minh bạch cho các chủ thể khi nộp hồ sơ; thuận lợi cho các chủ thể thẩm định, phê duyệt hỗ trợ trong việc xem xét, quyết định hỗ trợ. - Yêu cầu về hình thức: đơn đề nghị hỗ trợ, báo cáo thuyết minh mô hình, phương án sản xuất thực hiện theo mẫu. - Lý do quy định: để đảm bảo sự thống nhất, minh bạch cho các chủ thể khi nộp hồ sơ; thuận lợi cho các chủ thể thẩm định, phê duyệt hỗ trợ trong việc xem xét, quyết định hỗ trợ.

quan.	
c) Đối với nội dung hỗ trợ triển khai thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (theo khoản 2 điều 15): Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị căn cứ dự toán kinh phí được giao hàng năm để triển khai thực hiện, thanh quyết toán kinh phí theo quy định về quản lý, sử dụng nguồn kinh phí hàng năm của đơn vị trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.	- Nêu rõ lý do quy định: để đảm bảo sự thống nhất, minh bạch cho các chủ thể khi nộp hồ sơ; thuận lợi cho các chủ thể thẩm định, phê duyệt hỗ trợ trong việc xem xét, quyết định hỗ trợ. - Yêu cầu về hình thức: thực hiện theo quy định về quản lý ngân sách nhà nước - Lý do quy định: thực hiện theo quy định về quản lý ngân sách nhà nước. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị căn cứ dự toán kinh phí được giao hàng năm để triển khai thực hiện, thanh quyết toán kinh phí theo quy định về quản lý, sử dụng nguồn kinh phí hàng năm của đơn vị trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.
d) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ: có quy định cụ thể tại Khoản 10 Điều 1 Dự thảo.
đ) Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ hồ sơ	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên): phục vụ mục đích lưu trữ và gửi các cơ quan có liên quan trong quá trình thực hiện TTHC
4. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	- Có ☒ Không ☐ - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 40 ngày làm việc Lý do quy định: để đảm bảo rõ ràng, cụ thể, minh bạch trong quá trình TTHC.
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có ☒ Không ☐ Lý do quy định: quy định để đảm bảo trách nhiệm của các chủ thể tham gia giải quyết TTHC. Đảm bảo tiến độ giải quyết TTHC, công khai, minh bạch.
5. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ	Có ☒ Không ☐

tục hành chính không?	Lý do quy định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận hồ sơ, phối hợp tổ chức Hội đồng thẩm định; căn cứ quy mô tổng mức kinh phí hỗ trợ để Giám đốc Sở/ Chủ tịch UBND thành phố quyết định hỗ trợ; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo kết quả hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân.
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Việc quy định đã xem xét, cân nhắc về thẩm quyền, điều kiện thực hiện TTHC, đảm bảo hiệu quả nhất.
6. Mẫu đơn, tờ khai	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☒ Không ☐ Lý do: tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ; thuận lợi cho chủ thể thẩm định, phê duyệt. đảm bảo sự thống nhất, minh bạch.
b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Đơn đề nghị hỗ trợ chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: thông tin tổ chức, cá nhân đăng ký hỗ trợ Lý do quy định: Để có thông tin cơ bản của tổ chức, cá nhân + Nội dung thông tin 2: Kiến nghị đề xuất hỗ trợ chính sách Lý do quy định: để nắm được các hạng mục, số lượng, kinh phí đề nghị hỗ trợ và thời gian thực hiện kèm giải trình chi tiết + Nội dung thông tin 3: tổ chức, cá nhân cam kết về tính chính xác của thông tin cung cấp; cam kết nếu được hỗ trợ. - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☒ Không ☐ Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: UBND cấp xã nơi thực hiện đầu tư Lý do quy định: đảm bảo tính xác thực của thông tin, thuận lợi cho việc xem xét hỗ trợ
c) Tên mẫu đơn, tờ khai 2: đề cương thuyết minh dự án/	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp

phương án 	cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: giới thiệu chủ đầu tư và dự án/phương án; địa điểm đầu tư Lý do quy định: để khái quát tổng quan về chủ đầu tư và dự án/phương án + Nội dung thông tin 2: sự cần thiết, quy mô, tiến độ dự án, tổng mức đầu tư Lý do quy định: để thuyết minh cụ thể hơn về phương án/dự án + Nội dung thông tin 3: Hiệu quả kinh tế-xã hội và bảo vệ môi trường; kết luận Lý do quy định: nhằm đánh giá các mặt của dự án, làm cơ sở đề xuất/phê duyệt đầu tư. - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☒
d) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt ☒ Song ngữ ☐ Nếu rõ loại song ngữ: Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ):
7. Kết quả thực hiện	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép ☐ - Giấy chứng nhận ☐ - Giấy đăng ký ☐ - Chứng chỉ ☐ - Thẻ ☐ - Quyết định hành chính ☒ - Văn bản xác nhận/chấp thuận ☐ - Loại khác: ☐ Đề nghị nêu rõ: Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy ☒ Bản điện tử ☒
b) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có ☒ Không ☐ Lý do: Quyết định phê duyệt đối tượng và dự kiến kinh phí hỗ trợ chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn đợt... năm theo mẫu ban hành kèm theo Nghị quyết
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có ☐ Không ☒ - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể:tháng/ năm. - Nếu Không, nêu rõ lý do: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký

d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc ☐ Địa phương ☒ Lý do: đây là chính sách đặc thù của thành phố Đà Nẵng
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: BÙI THỊ THU HOÀI Điện thoại cố định: 0236.3840.400; Di động: 0918.766.365 E-mail: hoaiibt@danang.gov.vn	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 2: NGHIỆM THU VÀ THANH TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ (CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN)

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</i>	1. Khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020)
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i>	
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Dự thảo quy định rõ trình tự các bước thực hiện thủ tục hành chính: - Nộp hồ sơ tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Trong thời gian 05 ngày làm việc, Sở tổ chức hội đồng nghiệm thu. - Căn cứ kết quả nghiệm thu, tổ chức, cá nhân có văn bản đề nghị thanh toán kinh phí gửi Sở. - Sở xem xét, quyết định cấp kinh phí hỗ trợ và thực hiện giải ngân.
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Thủ tục hành chính quy định cụ thể, rõ ràng trách nhiệm của Sở, của thành viên hội đồng, của tổ chức, cá nhân
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Thực hiện theo thủ tục tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có ☒ Không ☐ Nếu CÓ, nêu rõ nội dung quy định: Trên cơ sở văn bản đề nghị nghiệm thu của tổ chức, cá nhân, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tham mưu thành lập Hội đồng nghiệm thu gồm đại diện các cơ quan: Cơ quan kế hoạch, tài chính, cơ quan chuyên ngành và các thành phần có liên quan khác. Lý do quy định: Việc quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế để thẩm định việc đảm bảo các điều kiện để hưởng chính sách hỗ trợ của các chủ thể. Đảm bảo sự chính xác, công bằng, khách quan trong thực hiện chính sách - Các biện pháp có thể thay thế: Có ☐ Không ☒
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☒ Điện tử ☒ b) Nhận kết quả: Trực tiếp ☒ Bưu chính ☐ Điện tử ☐	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Quy định cụ thể: nộp hồ sơ tại bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Đà Nẵng - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có ☒ Không ☐ Nêu rõ lý do: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo kết quả cho tổ chức, cá nhân
4. Thành phần, số lượng hồ sơ	
a) Văn bản đề nghị nghiệm thu của tổ chức, cá nhân (mẫu số 04)	Nêu rõ lý do quy định: để đảm bảo sự thống nhất, minh bạch cho các chủ thể khi nộp hồ sơ; thuận lợi cho cơ quan nhà nước trong việc nghiệm thu, thanh toán.. - Yêu cầu về hình thức: đơn đề nghị nghiệm thu của tổ chức, cá nhân - Lý do quy định: để đảm bảo sự thống nhất, minh bạch cho các chủ thể khi nộp hồ sơ; thuận lợi cho các chủ thể nghiệm thu, thanh toán
b) Văn bản phê duyệt kinh phí hỗ trợ của cấp	Nêu rõ lý do quy định: để đảm bảo sự thống nhất, minh bạch cho các chủ thể khi nộp hồ sơ; thuận lợi cho cơ quan nhà

có thẩm quyền.	nước trong việc nghiệm thu, thanh toán.. - Yêu cầu về hình thức: đây là kết quả của TTHC 1 - Lý do quy định: để đảm bảo sự thống nhất, minh bạch cho các chủ thể khi nộp hồ sơ; thuận lợi cho các chủ thể nghiệm thu, thanh toán
c) Báo cáo kết quả triển khai thực hiện kèm theo danh mục chi tiết các hạng mục đã thực hiện theo phê duyệt.	Nêu rõ lý do quy định: để đảm bảo sự thống nhất, minh bạch cho các chủ thể khi nộp hồ sơ; thuận lợi cho cơ quan nhà nước trong việc nghiệm thu, thanh toán. - Yêu cầu về hình thức: đảm bảo tính pháp lý - Lý do quy định: để đảm bảo sự thống nhất, minh bạch cho các chủ thể khi nộp hồ sơ; thuận lợi cho các chủ thể nghiệm thu, thanh toán
d) Các hồ sơ liên quan đến hợp đồng, thanh lý hợp đồng triển khai các nội dung đầu tư, các hóa đơn, giấy chuyển tiền và các hồ sơ liên quan đến nội dung hạng mục, dự án đã đầu tư.	Nêu rõ lý do quy định: để đảm bảo sự thống nhất, minh bạch cho các chủ thể khi nộp hồ sơ; thuận lợi cho cơ quan nhà nước trong việc nghiệm thu, thanh toán. - Yêu cầu về hình thức: đảm bảo tính pháp lý - Lý do quy định: để đảm bảo sự thống nhất, minh bạch cho các chủ thể khi nộp hồ sơ; thuận lợi cho các chủ thể nghiệm thu, thanh toán
đ) Hồ sơ pháp lý khác có liên quan đến nội dung đề nghị nghiệm thu.	Nêu rõ lý do quy định: để đảm bảo sự thống nhất, minh bạch cho các chủ thể khi nộp hồ sơ; thuận lợi cho cơ quan nhà nước trong việc nghiệm thu, thanh toán. - Yêu cầu về hình thức: đảm bảo tính pháp lý - Lý do quy định: để đảm bảo sự thống nhất, minh bạch cho các chủ thể khi nộp hồ sơ; thuận lợi cho các chủ thể nghiệm thu, thanh toán
e) Văn bản đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ sau khi có kết quả nghiệm thu.	Nêu rõ lý do quy định: để đảm bảo sự thống nhất, minh bạch cho các chủ thể khi nộp hồ sơ; thuận lợi cho cơ quan nhà nước trong việc nghiệm thu, thanh toán. - Yêu cầu về hình thức: đề nghị thanh toán tiền hỗ trợ - Lý do quy định: để đảm bảo sự thống nhất, minh bạch cho các chủ thể khi nộp hồ sơ; thuận lợi cho các chủ thể nghiệm thu, thanh toán
g) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành	Có ☒ Không ☐ Nêu rõ: có quy định cụ thể tại Khoản 11 Điều 1 Dự thảo.

chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	
d) Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ hồ sơ	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên): phục vụ mục đích lưu trữ và gửi các cơ quan có liên quan trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính
5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	- Có ☒ Không ☐ - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 30 ngày làm việc Lý do quy định: để đảm bảo rõ ràng, cụ thể, minh bạch trong quá trình thủ tục hành chính.
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	Có ☒ Không ☐ Lý do quy định: quy định để đảm bảo trách nhiệm của các chủ thể tham gia giải quyết thủ tục hành chính. Đảm bảo tiến độ giải quyết thủ tục hành chính, công khai, minh bạch.
6. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có ☒ Không ☐ Lý do quy định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận hồ sơ, phối hợp tổ chức Hội đồng nghiệm thu
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có ☐ Không ☒ Nêu rõ lý do: Việc quy định đã xem xét, cân nhắc về thẩm quyền, điều kiện thực hiện TTHC, đảm bảo hiệu quả nhất.
7. Mẫu đơn, tờ khai	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có ☒ Không ☐ Lý do: tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ; thuận lợi cho chủ thể nghiệm thu, thanh toán. đảm bảo sự thống nhất, minh bạch.
b) Tên mẫu đơn, tờ khai	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp

1: công văn đề nghị nghiệm thu kết quả hỗ trợ	trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: thông tin tổ chức, cá nhân đăng ký hỗ trợ Lý do quy định: Để có thông tin cơ bản của tổ chức, cá nhân + Nội dung thông tin 2: văn bản phê duyệt kết quả hỗ trợ Lý do quy định: là cơ sở để triển khai thực hiện chính sách + Nội dung thông tin 3: đến nay đã thực hiện xong chính sách và đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiệm thu kết quả hỗ trợ với các nội dung (thời gian, địa điểm,...) - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☒ Không ☐
c) Tên mẫu đơn, tờ khai 2: đề nghị thanh toán tiền hỗ trợ	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: chủ thể đề nghị hỗ trợ, văn bản hỗ trợ Lý do quy định: thông tin chủ thể; văn bản quyết định hỗ trợ + Nội dung thông tin 2: đề nghị thanh toán, thông tin người nhận thanh toán Lý do quy định: cụ thể các hạng mục cần thanh toán và người nhận - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có ☐ Không ☒
d) Ngôn ngữ	- Tiếng Việt ☒ Song ngữ ☐ Nêu rõ loại song ngữ: Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ):
8. Kết quả thực hiện	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	- Giấy phép ☐ - Giấy chứng nhận ☐ - Giấy đăng ký ☐ - Chứng chỉ ☐ - Thẻ ☐ - Quyết định hành chính ☒ - Văn bản xác nhận/chấp thuận ☐

	- Loại khác: ☐ Đề nghị nêu rõ: quyết định cấp kinh phí hỗ trợ Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy x Bản điện tử x
b) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có x Không ☐ Lý do: Quyết định cấp kinh phí hỗ trợ
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có ☐ Không x - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể:tháng/ năm. - Nếu Không, nêu rõ lý do: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc ☐ Địa phương x Lý do: đây là chính sách đặc thù của thành phố Đà Nẵng
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: BÙI THỊ THU HOÀI Điện thoại cố định: 0236.3840.400.; Di động: 0918.766.365 E-mail: hoaiibt@danang.gov.vn	

SƠ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Biểu mẫu 03/SCM-KSTT

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH HIỆN TẠI

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/1 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ			30,535							
1.1	Đơn đề nghị hỗ trợ thực hiện đầu tư có xác nhận của UBND cấp xã	điền mẫu đơn, xin xác nhận	4.0	30,535		0	1	1	122,140	122,140	
1.2	Báo cáo thuyết minh dự án, phương án sản xuất theo nội dung hồ trợ. Đối với nội dung có tính chất đầu tư phải kèm theo hồ sơ thiết kế, dự toán chi tiết các hạng mục đầu tư và danh mục thiết bị để làm cơ sở thẩm định, phê duyệt mức hỗ trợ cụ thể cho nội dung hồ trợ (Theo mẫu số 02).	điền mẫu đơn theo các thông tin thực tế	3.0	30,535		0	1	1	91,605	91,605	
1.3	Cam kết thực hiện bố trí nguồn lực, đối tượng thực hiện chính sách đối với nội dung ngoài mức hỗ trợ của Nhà nước	văn bản của cơ quan nhà nước gửi cho tổ chức, cá nhân	1.0	30,535		0	1	1	30,535	30,535	
1.4	Bảng kế hoạch, tiến độ triển khai các nội dung đầu tư của chính sách	điền thông tin	2.0	30,535		0	1	1	61,070	61,070	

1.5	hồ sơ pháp lý khác có liên quan đến nội dung dự án đề nghị hỗ trợ	photo, chuẩn bị hồ sơ liên quan nếu có	2.0	30,535		10,000	1	1	71,070	71,070	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1.0	30,535		0	1	2	30,535	61,070	
		Bưu điện/trực tuyến	0.5	30,535		26,000	1	1	41,268	41,268	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí	Không		30,535					0	0	
3.1	Phí			30,535					0	0	
3.2	Lệ phí			30,535					0	0	
3.3	Chi phí khác			30,535					0	0	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)	thăm định hồ sơ, khảo sát thực địa, xem xét đánh giá điều kiện hưởng ưu đãi	8.0	30,535		0	1	1	244,280	244,280	
6	Nhận kết quả	Trực tuyến	1.0	30,535		0	1	2	30,535	61,070	
		Bưu điện	0.5	30,535		26,000	1	1	41,268	41,268	
TỔNG									0	851,375	

SƠ NGŨNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Biểu mẫu 03/SCM-KSLT

CHỈ PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

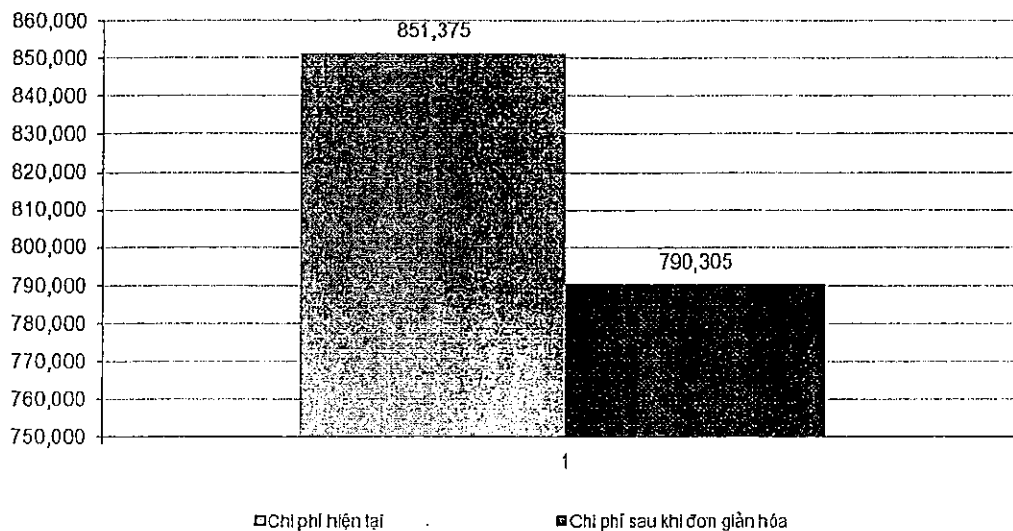
TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN (SỬA ĐỔI)

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/1 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ			30,535					0	0	
1.1	Đơn đề nghị hỗ trợ chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	Điền mẫu đơn, xin xác nhận của chính quyền cấp xã nơi thực hiện đầu tư (02 trang, xin ký xác nhận)	4.0	30,535		0	1	1	122,140	122,140	
1.2	báo cáo thuyết minh mô hình, dự án phát triển sản xuất nông nghiệp, hỗ trợ đầu tư, nâng cấp cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm	điền mẫu đơn theo các thông tin thực tế	2.0	30,535		0	1	1	61,070	61,070	
1.3	Hồ sơ thiết kế, bản vẽ đối với nội dung đề nghị hỗ trợ mô hình, dự án sản xuất nông nghiệp (nếu có);	điền thông tin	2.0	30,535		0	1	1	61,070	61,070	

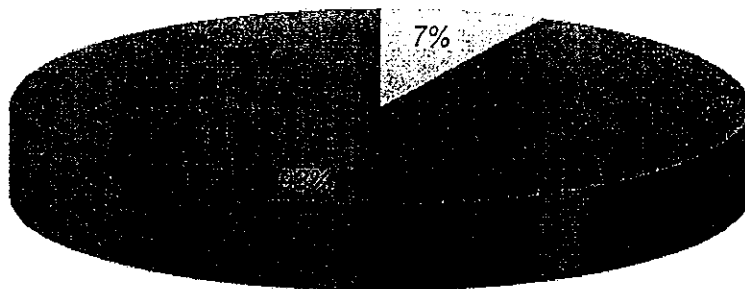
1.4	hồ sơ pháp lý liên quan đến tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ và các văn bản có liên quan đến đề xuất hỗ trợ	photo, điền	2.0	30,535		10,000	1	1	71,070	71,070	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1.0	30,535			1	2	30,535	61,070	
		Bưu điện/trực tuyến	0.5	30,535		26,000	1	1	41,268	41,268	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí	Không		30,535					0	0	
3.1	Phí			30,535					0	0	
3.2	Lệ phí			30,535					0	0	
3.3	Chi phí khác			30,535					0	0	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)	thăm định hồ sơ, khảo sát thực địa, xem xét đánh giá điều kiện hướng ưu đãi	8.0	30,535		0	1	1	244,280	244,280	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	1.0	30,535			1	2	30,535	61,070	
		Bưu điện/trực tuyến	0.5	30,535		26,000	1	1	41,268	41,268	
TỔNG									0	790,305	

SO SÁNH LỢI ÍCH ĐƠN GIẢN HÓA CỦA THU TỤC HÀNH CHÍNH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại và dự kiến sửa đổi, bổ sung



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) dự kiến sửa đổi, bổ sung



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Biểu mẫu 03/SCM-KSTT

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: NGHIỆM THU VÀ THANH TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ (CHI PHÍ HIỆN TẠI)

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/1 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ			30,535							
1.1	Văn bản đề nghị nghiệm thu hạng mục đầu tư hoặc toàn bộ dự án được hỗ trợ do doanh nghiệp lập căn cứ vào nội dung cụ thể của hạng mục đầu tư hoặc toàn bộ dự án đề nghị nghiệm thu.	soạn đơn	3.0	30,535		0	1	1	91,605	91,605	
1.2	Văn bản phê duyệt đối tượng và dự kiến kinh phí hỗ trợ của cấp có thẩm quyền.	photo	1.0	30,535		5,000	1	1	35,535	35,535	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1.0	30,535		0	1	2	30,535	61,070	
		Bưu điện/trực tuyến	0.5	30,535		26,000	1	1	41,268	41,268	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí	Không		30,535					0	0	

3.1	Phí			30,535					0	0	
3.2	Lệ phí			30,535					0	0	
3.3	Chi phí khác			30,535					0	0	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)	thăm định hồ sơ, khảo sát thực địa, xem xét đánh giá điều kiện hưởng ưu đãi	8.0	30,535		0	1	1	244,280	244,280	
6	Nhận kết quả	Trực tuyến	1.0	30,535		0	1	2	30,535	61,070	
		Bưu điện	0.5	30,535		26,000	1	1	41,268	41,268	
TỔNG									0	602,095	

CHI PHÍ TUÂN THU THU TỤC HÀNH CHÍNH

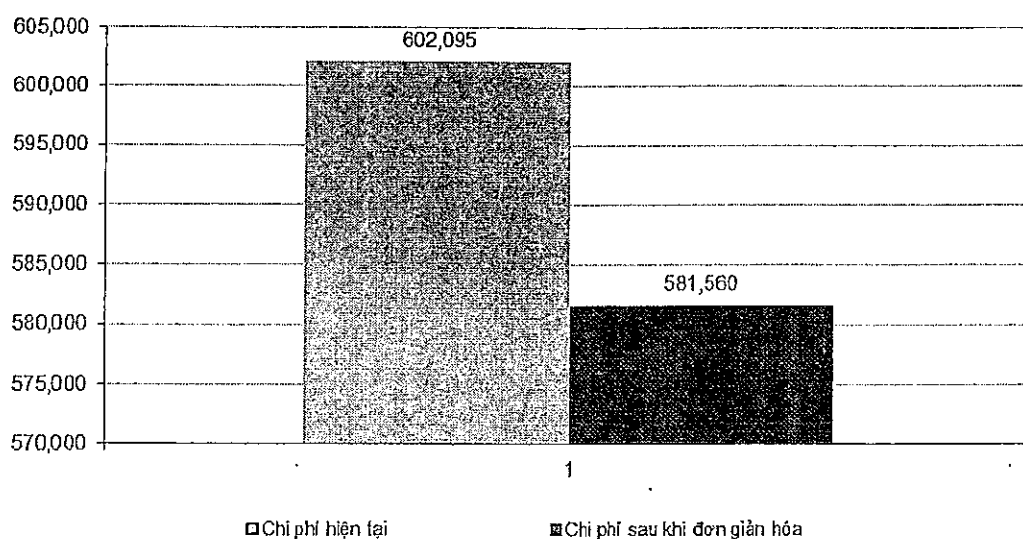
TÊN THU TỤC HÀNH CHÍNH: TÊN THU TỤC HÀNH CHÍNH: NGHIỆM THU VÀ THANH TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/1 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ			30,535					0	0	
1.1	văn bản đề nghị nghiệm thu	điền mẫu văn bản	1.0	30,535		0	1	1	30,535	30,535	
1.2	văn bản phê duyệt kinh phí hỗ trợ của cấp có thẩm quyền	photo	1.0	30,535		5,000	1	1	35,535	35,535	
1.3	báo cáo kết quả thực hiện kèm heo danh mục chi tiết các hạng mục đã thực hiện theo phê duyệt	điền thông tin	1.0	30,535		0	1	1	30,535	30,535	
1.4	Hồ sơ pháp lý liên quan hợp đồng, thanh lý hợp đồng triển khai các nội dung đầu tư, các hóa đơn, giấy chuyển tiền và các hồ sơ liên quan đến nội dung hạng mục, dự án đã đầu tư	photo, điền..	1.0	30,535		10,000	1	1	40,535	40,535	
1.5	Văn bản đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ sau khi có kết quả nghiệm thu	điền mẫu văn bản	1.0	30,535		0	1	1	30,535	30,535	

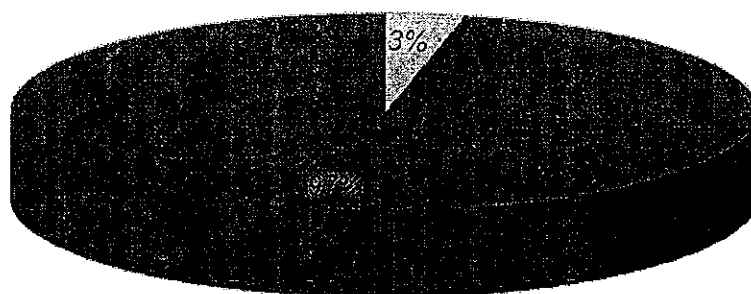
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1.0	30,535			1	2	30,535	61,070	
		Bưu điện/trực tuyến	0.5	30,535		26,000	1	1	41,268	41,268	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí	Không		30,535					0	0	
3.1	Phí			30,535					0	0	
3.2	Lệ phí			30,535					0	0	
3.3	Chi phí khác			30,535					0	0	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)	thăm định hồ sơ, khảo sát thực địa, xem xét đánh giá điều kiện hưởng ưu đãi	6.0	30,535		0	1	1	183,210	183,210	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	1.0	30,535			1	2	30,535	61,070	
		Bưu điện/trực tuyến	0.5	30,535		26,000	1	1	41,268	41,268	
TỔNG									0	581,560	

SƠ SÁNH LỢI ÍCH ĐƠN GIẢN HÓA THU TỤC NGHIỆM THU VÀ THANH TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại và dự kiến sửa đổi, bổ sung



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) dự kiến sửa đổi, bổ sung



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2023/NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KHÓA X, NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc trình dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 như sau: “Các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất nông nghiệp, nông thôn và tham gia chương trình mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng”.

2. Bổ sung Điều 7a. Hỗ trợ hình thành vùng sản xuất tập trung, chuyên canh, vùng sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ, sinh thái

“a. Nội dung, mức hỗ trợ: Đối với dự án, phương án thực hiện tích tụ, tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp thì được hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ đối với tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng đất

- + Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho tổ chức, hội gia đình, cá nhân khác để thực hiện tích tụ đất đai được hỗ trợ 01 lần bằng tiền với mức hỗ trợ 30 triệu đồng/ha.

- + Tổ chức, cá nhân cho thuê quyền sử dụng đất hoặc góp vốn bằng quyền sử dụng đất ổn định từ 05 năm trở lên để tích tụ, tập trung đất đai được hỗ trợ hàng năm 05 triệu đồng/ha/năm, thời gian hỗ trợ 05 năm.

- Hỗ trợ đối với tổ chức, cá nhân thực hiện tích tụ, tập trung đất đai để sản xuất

- + Hỗ trợ tiền thuê đất của tổ chức, cá nhân có đất sản xuất nông nghiệp: Mức hỗ trợ 50% tiền thuê đất, tối đa không quá 20 triệu đồng/ha/năm, thời gian hỗ trợ 05 năm tính từ khi thực hiện xong các thủ tục thuê đất và phương án, dự án sản xuất đi vào hoạt động.

- + Đối với dự án nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì được hỗ trợ tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mức hỗ trợ 20% theo đơn giá đất nhà nước quy định tại thời điểm nhận chuyển nhượng nhưng tối đa không quá 150 triệu đồng/ha.

- + Trường hợp thực hiện liên kết bằng cả hai hình thức nêu trên thì được hỗ trợ bằng tổng các mức hỗ trợ theo quy định của chính sách.

- Hỗ trợ 100% phí, lệ phí phục vụ công tác đo đạc, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thực hiện tích tụ, tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp theo quy định hiện hành.

b) Điều kiện hỗ trợ

- Dự án, phương án sản xuất tại các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và phân khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy hoạch chung của thành phố. Đối với dự án, phương án sản xuất tại các vùng chuyên canh tập trung phải thuộc danh mục định hướng các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Đà Nẵng do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

- Thời gian thuê quyền sử dụng đất, góp vốn quyền sử dụng đất tối thiểu từ 05 năm trở lên, quy mô diện tích tối thiểu là 01 ha/dự án, phương án.

- Có phương án thực hiện tích tụ, tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt và dự án, phương án hoàn thành đưa vào sản xuất.

c) Đối với các dự án, phương án để hình thành khu, vùng sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản tập trung phục vụ phát triển kinh tế - xã hội theo quy hoạch của thành phố phải thực hiện thu hồi, bồi thường, giải phóng mặt bằng, Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng phương án trình Hội đồng nhân dân

thành phố xem xét, chấp thuận”.

3. Bổ sung Điều 7b. Hỗ trợ cơ giới hóa nông nghiệp

“a) Nội dung, mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% kinh phí mua sắm máy móc, thiết bị, mức hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng/máy, thiết bị.

b) Điều kiện hỗ trợ: Các loại máy, thiết bị phải là máy, thiết bị mới, chất lượng phù hợp tiêu chuẩn công bố theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Các loại máy móc, thiết bị chưa được hỗ trợ từ các chính sách hỗ trợ khác.

c) Danh mục các loại máy, thiết bị được hỗ trợ bao gồm: Các loại máy làm đất, san phẳng đồng ruộng, gieo cấy, trồng, chăm sóc, thu hoạch trong nông nghiệp; máy sấy nông sản, lâm sản, thủy sản; máy, thiết bị sử dụng trong chăn nuôi; máy, thiết bị sản xuất giống, nuôi trồng, thu hoạch thủy sản; máy, thiết bị sơ chế từ phế phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản, chăn nuôi; thiết bị sử dụng chứa, bảo quản nông sản, thủy sản quy mô hộ gia đình; các loại máy kéo, động cơ (Diesel, xăng, điện) sử dụng trong các khâu sản xuất nông nghiệp; chế biến nông sản, lâm sản; nuôi trồng, khai thác lâm sản; xe ô tô nông dụng đa chức năng”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 2, Điều 8 như sau: “Quy mô diện tích nhà trồng nấm tối thiểu từ 100m² trở lên đối với nấm dược liệu và 200m² trở lên đối với nấm thương phẩm”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 2, Điều 9 như sau: “Quy mô diện tích nuôi trồng thủy sản tối thiểu đạt từ 3.000m² và phải nằm trong vùng nuôi trồng thủy sản tập trung theo kế hoạch nuôi trồng thủy sản của UBND cấp huyện”.

6. Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

Điều 10. Hỗ trợ trồng cây dược liệu và trồng xen canh cây dược liệu

“1. Nội dung, mức hỗ trợ: Hỗ trợ 20 triệu đồng/ha nhưng tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án, phương án để đầu tư trồng cây dược liệu, trồng xen canh cây dược liệu, trường hợp trồng cây dược liệu trong nhà lưới, nhà kính, nhà màng thì được hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư nhưng không quá 01 tỷ đồng/dự án, phương án.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Quy mô diện tích tối thiểu phải đạt từ 5.000m², trường hợp trồng xen canh dưới tán rừng thì phải có quy mô diện tích tối thiểu là 02ha và trồng trong nhà lưới, nhà màng, nhà kính phải có quy mô tối thiểu từ 500m² trở lên.

b) Cây dược liệu phải thuộc danh mục cây dược liệu do Bộ Y tế ban hành”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau:

“a) Quy mô diện tích tối thiểu phải đạt từ 3.000m² trở lên”.

b) Phải áp dụng quy trình kỹ thuật và thiết bị tiên tiến để tưới theo phương pháp nhỏ giọt, phun mưa, tưới ngầm, bảo đảm cấp nước theo nhu cầu của cây trồng cạn”.

8. Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 14. Chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ, sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp đô thị, nông nghiệp phục vụ du lịch

1. Nội dung, mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ cấp giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn hữu cơ: Hỗ trợ một lần 100% chi phí cấp chứng nhận sản phẩm phù hợp TCVN về nông nghiệp hữu cơ, bao gồm cả kinh phí xác định các vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất hữu cơ, mức hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/lần (cấp lần đầu hoặc cấp lại).

b) Hỗ trợ cấp mã số vùng trồng: Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã số vùng trồng, tối đa không quá 20 triệu đồng/đôi tượng.

c) Hỗ trợ sản xuất lúa theo tiêu chuẩn hữu cơ: Hỗ trợ 100% kinh phí phân tích mẫu đất, nước, tập huấn, đào tạo, khảo sát địa hình để xác định vùng, khu vực sản xuất hữu cơ; kinh phí mua giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hữu cơ, chế phẩm sinh học xử lý đất, xử lý phân hữu cơ, chi phí mạ khay, máy cấy, phun thuốc theo định mức khuyến nông, mức hỗ trợ không quá 30 triệu đồng/ha/vụ, hỗ trợ tối đa không quá 03 vụ liên tiếp.

d) Hỗ trợ sản xuất rau, củ, quả, cây ăn quả theo tiêu chuẩn hữu cơ: Hỗ trợ 100% kinh phí phân tích mẫu đất, nước, tập huấn, đào tạo, khảo sát địa hình để xác định vùng, khu vực sản xuất hữu cơ; kinh phí mua giống, phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm sinh học xử lý đất, xử lý phân hữu cơ theo định mức khuyến nông, mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/ha, hỗ trợ tối đa không quá 02 vụ liên tiếp.

đ) Hỗ trợ chăn nuôi hữu cơ, an toàn sinh học (lợn, bò, dê, gà, cút): Hỗ trợ 100% kinh phí mua con giống, chế phẩm, thức ăn theo định mức khuyến nông, mức hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu đồng/dự án/phương án. Đối với dự án/phương án chăn nuôi có lắp đặt hệ thống làm mát, kiểm soát nhiệt độ tự động, bán tự động, lắp đặt hệ thống phân phối thức ăn, nước uống tự động, bán tự động thì được hỗ trợ thêm 50% chi phí, tối đa không quá 300 triệu đồng/dự án/phương án.

e) Hỗ trợ mô hình nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp đô thị: Hỗ trợ 100% kinh phí mua giống, thức ăn, chế phẩm vi sinh xử lý phụ phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và thiết bị xử lý môi trường, tối đa không quá 100 triệu đồng/mô hình.

g) Đối với các mô hình, dự án sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và sản xuất nông lâm kết hợp gắn với phục vụ du lịch sinh thái, trải nghiệm:

- Hỗ trợ 50% chi phí sản xuất theo định mức khuyến nông và chi phí tư vấn, cải tạo cảnh quan, trồng hoa, cây cảnh, phát triển sản phẩm du lịch, tuyên

truyền, quảng bá du lịch, sản phẩm OCOP, đặc trưng, chủ lực, mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng/mô hình.

- Hỗ trợ chi phí đào tạo nghiệp vụ du lịch, kỹ năng phục vụ khách du lịch đối với nông dân, ngư dân, người tham gia sản xuất tại các mô hình, dự án sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản gắn với du lịch sinh thái, trải nghiệm. Mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/mô hình, hỗ trợ 01 lần.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Cam kết tổ chức sản xuất tuân thủ theo nguyên tắc và tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ.

b) Quy mô diện tích sản xuất tối thiểu liên vùng là 05ha đối với lúa và 5.000m² đối với cây trồng khác.

c) Quy mô diện tích cơ sở chăn nuôi có mặt thường xuyên tối thiểu 30 con lợn thịt; 10 con lợn giống; 20 con bò; 30 con dê và quy mô trên 1.000 con đối với gia cầm, 5.000 con đối với chim cút.

d) Đối với nội dung sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản có kết hợp hoạt động du lịch phải có hạ tầng, cơ sở vật chất đảm bảo phục vụ hoạt động du lịch và thực hiện đăng ký, nghĩa vụ kinh doanh từng loại hình kinh doanh dịch vụ theo quy định của pháp luật. Đối với đất lâm nghiệp phải được cấp có thẩm quyền giao hoặc được thuê và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đã sử dụng đất ổn định trong vòng 3 năm trở lên không có tranh chấp.”

9. Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 15. Hỗ trợ chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)

1. Hỗ trợ đối với chủ thể có sản phẩm tham gia chương trình OCOP

a) Hỗ trợ kinh phí thuê tư vấn đánh giá và cấp chứng nhận sản phẩm sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP, hữu cơ), hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (ISO, HACCP, GMP,...): Hỗ trợ 100% kinh phí, tối đa không quá 100 triệu đồng đối với sản phẩm sản xuất theo quy trình hữu cơ, GLOBALGAP; hỗ trợ không quá 50 triệu đồng đối với sản phẩm sản xuất quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP, VietGAHP); hỗ trợ không quá 30 triệu đồng đối với hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (ISO, HACCP, GMP,...). Chỉ hỗ trợ đối với chứng nhận lần đầu hoặc hồ sơ đăng ký tham gia đánh giá, phân hạng lại sản phẩm OCOP.

b) Hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ phục vụ sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, đóng gói và kho lạnh bảo quản sản phẩm OCOP, tối đa không quá 500 triệu đồng đối với chủ thể là doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và không quá 300 triệu đồng đối với chủ thể là hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh.

c) Hỗ trợ xây dựng liên kết chuỗi giá trị sản phẩm OCOP: Hỗ trợ tối đa không quá 70% kinh phí thực hiện kế hoạch, dự án liên kết theo cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa không quá 300 triệu đồng/kế hoạch, dự án liên kết.

d) Hỗ trợ 100% chi phí thiết lập mã QR code, mã vạch, tối đa không quá 10 triệu đồng/sản phẩm và không quá 30 triệu đồng/chủ thể.

đ) Hỗ trợ 100% chi phí thiết kế, in ấn nhãn hàng hóa, bao bì sản phẩm, tối đa không quá 15 triệu đồng/sản phẩm và không quá 30 triệu đồng/chủ thể OCOP.

e) Hỗ trợ 100% chi phí xây dựng, đăng ký nhãn hiệu, xây dựng trang thông tin điện tử, đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử, mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/nhãn hiệu và không quá 30 triệu đồng đối với xây dựng trang thông tin điện tử, đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử.

g) Hỗ trợ tham gia hội chợ, triển lãm: Hỗ trợ 100% chi phí (thuê, trang trí gian hàng, trang trí, vận chuyển,...), tối đa không quá 15 triệu đồng/chủ thể đối với hội chợ, triển lãm trong thành phố; hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/chủ thể đối với tham gia hội chợ ngoài thành phố và không quá 100 triệu đồng/chủ thể đối với tham gia hội chợ nước ngoài, mỗi chủ thể được hỗ trợ không quá 02 lần tham gia/năm.

h) Chi thưởng cho các chủ thể có sản phẩm được đánh giá, công nhận sản phẩm OCOP: sản phẩm đạt hạng 05 sao: 20 triệu đồng/sản phẩm; sản phẩm đạt hạng 4 sao: 15 triệu đồng/sản phẩm; sản phẩm đạt hạng 3 sao: 10 triệu đồng/sản phẩm. Mỗi chủ thể chỉ được thưởng tối đa 05 sản phẩm. Mỗi sản phẩm chỉ được thưởng 01 lần ở cùng mức độ sao được công nhận, trường hợp được công nhận nâng hạng sao thì được nhận thưởng thêm phần chênh lệch giữa hai mức độ sao.

2. Nội dung, mức chi triển khai thực hiện chương trình OCOP

a) Chi xây dựng đề án, dự án, kế hoạch, hỗ trợ tư vấn phát triển sản phẩm, xây dựng hồ sơ sản phẩm: Thực hiện theo các quy định hiện hành và theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chi truyền thông, thông tin tuyên truyền: Thủ trưởng các cơ quan căn cứ nhiệm vụ và dự toán kinh phí được giao, chịu trách nhiệm lựa chọn hình thức, nội dung truyền thông tuyên truyền đảm bảo đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả trong phạm vi dự toán được giao.

c) Chi trưng bày, triển lãm giới thiệu sản phẩm OCOP tại các cuộc hội nghị, hội thảo, diễn đàn, tham gia hội chợ theo đoàn chung của thành phố Đà Nẵng: Mức chi theo thực tế phát sinh, thực hiện theo quy định hiện hành và giao thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ quyết định.

d) Chi hội nghị, tập huấn: Nội dung, mức chi cụ thể thực hiện theo Nghị quyết số 95/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định mức chi công tác phí, chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố. Riêng đối với hội thảo, diễn đàn, tọa đàm có tính chất khoa học thì thực hiện theo mức chi quy định đối với nhiệm vụ khoa học công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố.

đ) Chi tham quan, học tập kinh nghiệm thực hiện chương trình OCOP: Nội dung, mức chi cụ thể thực hiện theo Nghị quyết số 95/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi công tác phí. Đối với tham quan, học tập kinh nghiệm nước ngoài thực hiện theo Thông tư số 102/2012/TT-BCT ngày 21/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí và phải được Ủy ban nhân dân thành phố thống nhất.

e) Chi họp hội đồng, tổ tư vấn hội đồng đánh giá phân hạng sản phẩm OCOP các cấp (cấp thành phố, quận, huyện): Nội dung chi họp hội đồng được áp dụng theo mức chi họp hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ; chi hoạt động thẩm định của tổ tư vấn hội đồng được áp dụng theo mức chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố.

g) Chi phí thực hiện kiểm nghiệm, phân tích độc lập các chỉ tiêu an toàn thực phẩm phục vụ đánh giá, phân hạng sản phẩm: Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

h) Chi xây dựng, duy trì, nâng cấp hệ thống phần mềm đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP và hệ thống phần mềm lưu trữ, truy xuất hồ sơ, dữ liệu liên quan Chương trình OCOP, hỗ trợ tem OCOP: Mức chi theo thực tế phát sinh, thực hiện theo quy định hiện hành và giao thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ quyết định.

i) Chi cho công tác tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình OCOP và chi khác: Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 16 như sau:

“a) Hỗ trợ xây dựng, nâng cấp điểm bán sản phẩm OCOP, nông nghiệp chủ lực, đặc trưng: Hỗ trợ 50% kinh phí xây dựng mới, sửa chữa, mua giá, kệ trưng bày sản phẩm, bảng hiệu, tủ bảo quản sản phẩm, trang trí điểm bán hàng và các hạng mục cần thiết khác, tối đa không quá 100 triệu đồng/điểm. Riêng đối với chủ thể OCOP có sản phẩm đạt từ 3 sao trở lên thực hiện sửa chữa nhỏ, mua giá, kệ, trang trí bảng hiệu, tủ bảo quản sản phẩm và các hạng mục khác để trưng bày, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm OCOP thì được hỗ trợ 50% kinh phí, tối đa không quá 50 triệu đồng/điểm.

b) Hỗ trợ đầu tư xây dựng Trung tâm OCOP: Hỗ trợ 50% kinh phí xây dựng Trung tâm OCOP (xây dựng mới, sửa chữa, mua giá, kệ trưng bày sản phẩm, bảng hiệu, tủ bảo quản sản phẩm, trang trí điểm bán hàng và các hạng mục cần thiết khác), tối đa không quá 500 triệu đồng/trung tâm OCOP cấp quận, huyện và 01 tỷ đồng/trung tâm OCOP cấp thành phố. Trường hợp chủ thể là các cơ quan, đơn vị của nhà nước thì được đầu tư 100% kinh phí theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền hoặc được sử dụng từ nguồn kinh phí Quỹ hoạt động sự nghiệp (đơn vị sự nghiệp có thu) để đầu tư.”

11. Điều 20 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 20. Quy định trình tự, thủ tục thực hiện chính sách hỗ trợ

1. Thẩm quyền quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ đối với các dự án, mô hình có kinh phí hỗ trợ từ 500 triệu đồng trở lên.

b) Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ đối với các dự án, mô hình có kinh phí hỗ trợ dưới 500 triệu đồng.

c) Đối với nguồn kinh phí từ ngân sách cấp cho các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện: Giám đốc các sở, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện chủ động sử dụng ngân sách trong dự toán hằng năm để quyết định phê duyệt các nội dung chính sách theo Nghị quyết.

2. Trình tự thực hiện

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ phận tiếp nhận hồ sơ trong vòng 20 ngày kể từ khi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có thông báo tiếp nhận hồ sơ hỗ trợ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và không hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.

b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời gian nhận hồ sơ hỗ trợ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức họp hội đồng thẩm định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ. Thành phần hội đồng: Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là chủ tịch Hội đồng, thành viên là đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận, huyện và các sở, ngành có liên quan. Trường hợp cần xác minh thông tin, đi thực tế cơ sở để xác định nội dung đề xuất chính sách hỗ trợ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức đi kiểm tra thực tế tại cơ sở.

c) Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo kết quả thẩm định, trong đó:

- Đối với hồ sơ có tổng kinh phí hỗ trợ từ 500 triệu đồng trở lên, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có tờ trình đề nghị kèm theo báo cáo kết quả thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình đề nghị và báo cáo kết quả thẩm định của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân (Mẫu số 04).

- Đối với hồ sơ có tổng kinh phí hỗ trợ dưới 500 triệu đồng, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ kết quả thẩm định có quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân (Mẫu số 04).

d) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo kết quả cho tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 05).

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ các mô hình, dự án phát triển sản xuất nông nghiệp, hỗ trợ đầu tư, nâng cấp cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm (từ điều 7 đến điều 14)

- Đơn đề nghị hỗ trợ có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (Mẫu số 01);

- Báo cáo thuyết minh mô hình, dự án phương án sản xuất nông nghiệp có kèm dự toán chi tiết kinh phí thực hiện (Mẫu số 02);

- Hồ sơ thiết kế, bản vẽ đối với nội dung đề nghị hỗ trợ mô hình, dự án sản xuất nông nghiệp (nếu có)

- Hồ sơ pháp lý liên quan đến tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ và các văn bản khác có liên quan đến nội dung đề xuất hỗ trợ.

b) Đối với hồ sơ hỗ trợ của các chủ thể tham gia Chương trình OCOP (theo khoản 1 Điều 15 và Điều 16)

- Đơn đề nghị hỗ trợ chương trình OCOP có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã (Mẫu số 03);

- Báo cáo thuyết minh mô hình, dự án phương án có kèm dự toán chi tiết kinh phí thực hiện đối với nội dung hỗ trợ theo quy định tại điểm b,c khoản 1 điều 15 và Điều 16 (Mẫu số 02).

- Hồ sơ pháp lý liên quan đến tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ và các văn bản khác có liên quan.

c) Đối với nội dung hỗ trợ triển khai thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (theo khoản 2 Điều 15): Giám đốc các sở, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện căn cứ dự toán kinh phí được giao hàng năm để quyết định phê duyệt các nội dung chính sách và thanh quyết toán kinh phí theo quy định về quản lý, sử dụng nguồn kinh phí hàng năm của đơn vị trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

d) Số lượng hồ sơ: 02 bộ

đ) Thời gian thực hiện: 40 ngày làm việc”

12. Điều 21 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“ Điều 21. Nghiệm thu và thanh toán kinh phí hỗ trợ

1. Thành phần hồ sơ

a) Văn bản đề nghị nghiệm thu của tổ chức, cá nhân (Mẫu số 06).

b) Văn bản phê duyệt kinh phí hỗ trợ của cấp có thẩm quyền.

c) Báo cáo kết quả triển khai thực hiện kèm theo danh mục chi tiết các hạng mục đã thực hiện theo phê duyệt.

d) Các hồ sơ liên quan đến hợp đồng, thanh lý hợp đồng triển khai các nội dung đầu tư, hóa đơn, chứng từ thanh toán và các hồ sơ liên quan đến nội dung hạng mục, dự án đã đầu tư.

đ) Hồ sơ pháp lý khác có liên quan đến nội dung đề nghị nghiệm thu.

e) Văn bản đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ sau khi có kết quả nghiệm thu (Mẫu số 08).

2. Trình tự, thủ tục thực hiện

a) Sau khi hoàn thành các nội dung đầu tư, tổ chức, cá nhân có văn bản đề nghị nghiệm thu gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

b) Trên cơ sở văn bản đề nghị nghiệm thu của tổ chức, cá nhân, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tham mưu thành lập Hội đồng nghiệm thu để tổ chức nghiệm thu theo nội dung chính sách hỗ trợ.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức nghiệm thu, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản thông báo kết quả nghiệm thu và gửi biên bản nghiệm thu cho tổ chức, cá nhân.

d) Biên bản nghiệm thu của Hội đồng nghiệm thu là căn cứ để giải ngân, thanh toán kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân. Nội dung biên bản nghiệm thu phải xác định cụ thể khối lượng, giá trị từng hạng mục được nghiệm thu theo dự toán được phê duyệt và kinh phí được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (Mẫu số 07).

đ) Căn cứ kết quả nghiệm thu, tổ chức, cá nhân có văn bản đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thanh toán, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có nhiệm vụ thẩm định, kiểm tra và có quyết định cấp kinh phí hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân.

e) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định cấp kinh phí hỗ trợ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện giải ngân kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân.

g) Nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ, giải ngân cho nhà đầu tư được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Số lượng hồ sơ: 02 bộ

4. Thời gian thực hiện: 30 ngày làm việc”

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua tại Kỳ họp thứ 15, ngày tháng 12 năm 2023./.

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ, VP Chủ tịch nước;
- Bộ Tài chính; Bộ KH&CN, Bộ NN&PTNT (Vụ Pháp chế);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- BTV Thành ủy, cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- ĐB HĐND TP; Đoàn ĐBQH TP;
- UBND, UBND TP;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND TP;
- Các sở, ngành, đoàn thể TP;
- Quận, huyện ủy; HĐND, UBND, UBND các quận, huyện;
- Báo ĐN, Báo CATP ĐN, Đài PTTH ĐN, TT TTVN tại ĐN (VTV8), Cổng TTĐT thành phố;
- Công báo thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2023 của
Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Mẫu số 01	Đơn đề nghị hỗ trợ chính sách nông nghiệp, nông thôn
Mẫu số 02	Thuyết minh đề nghị hỗ trợ chính sách hỗ trợ nông nghiệp, nông thôn
Mẫu số 03	Văn bản thẩm định của Hội đồng thẩm định chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn
Mẫu số 04	Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn
Mẫu số 05	Thông báo tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện hỗ trợ
Mẫu số 06	Công văn đề nghị nghiệm thu kết quả hỗ trợ
Mẫu số 07	Biên bản nghiệm thu kết quả hỗ trợ chính sách
Mẫu số 08	Đề nghị thanh toán tiền hỗ trợ

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Hỗ trợ chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn
thành phố Đà Nẵng**

Kính gửi:

Tổ chức, cá nhân:.....

Loại hình tổ chức:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax.....

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt
động/Giấy phép kinh doanh/Giấy chứng minh nhân dân số.....
do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....).**I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ HỖ TRỢ**

1. Tên mô hình/sản phẩm OCOP.....

2. Lĩnh vực đầu tư:.....

3. Địa điểm thực hiện:.....

4. Mục tiêu và quy mô:.....

5. Tổng vốn đầu tư :

6. Diện tích đất dự kiến sử dụng:.....

7. Số lao động sử dụng bình quân trong năm:.....

8. Tiến độ thực hiện mô hình dự kiến:.....

II. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ CHÍNH SÁCH**1. Nội dung đề nghị hỗ trợ**

TT	Nội dung đề nghị hỗ trợ	Số lượng	Kinh phí (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Chính sách				

2	Chính sách				
	Tổng cộng				

2. Giải trình chi tiết các nội dung đề nghị hỗ trợ (ghi chi tiết số lượng, nội dung, dự toán kinh phí và cách thức triển khai từng chính sách khi được hỗ trợ)

.....

III. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CAM KẾT

1. Cam kết về tính chính xác, hợp lý của những thông tin đã đề nghị hỗ trợ.
2. Nếu được hỗ trợ sẽ cam kết đảm bảo nguồn kinh phí đối ứng để thực hiện các nội dung theo chính sách hỗ trợ.
3. Sử dụng vốn hỗ trợ đúng mục đích và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật liên quan đến nội dung chính sách hỗ trợ./.

....., ngày.....tháng..... năm.....

Nơi nhận:

Chức danh người đại diện tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo:.....

----- **Xác nhận của UBND cấp xã nơi thực hiện đầu tư** (xác minh về tính pháp lý của tổ chức, cá nhân, nội dung đề xuất hỗ trợ tại địa phương) -----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG THUYẾT MINH DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN

*(Kèm theo Đơn đề nghị hỗ trợ chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng)*

CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU CHỦ ĐẦU TƯ VÀ DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN

1. Giới thiệu về chủ đầu tư
2. Mô tả sơ bộ thông tin dự án
3. Cơ sở pháp lý

CHƯƠNG II: SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội vùng thực hiện dự án
2. Khả năng tiêu thụ sản phẩm đầu ra của dự án
3. Kết luận về sự cần thiết đầu tư

CHƯƠNG III: ĐỊA ĐIỂM ĐẦU TƯ

1. Vị trí địa lý (địa điểm, các nguyên tắc lựa chọn địa điểm,...)
2. Địa hình, thổ nhưỡng, khí hậu, môi trường
3. Hiện trạng nơi sản xuất
4. Nhận xét chung

CHƯƠNG IV: QUY MÔ - TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Quy mô đầu tư dự án
2. Hạng mục công trình - thiết bị
3. Thời gian thực hiện dự án
4. Quy trình kỹ thuật, công nghệ sản xuất

CHƯƠNG V: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ ÁN

1. Nội dung tổng mức đầu tư
2. Phân nguồn vốn đầu tư
3. Vốn đề nghị hỗ trợ theo chính sách (chi tiết nội dung, hạng mục và mức hỗ trợ cụ thể)

CHƯƠNG VI: HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Các giả định kinh tế và cơ sở tính toán
2. Tính toán chi phí của dự án
3. Doanh thu từ dự án
4. Các chỉ tiêu kinh tế của dự án
5. Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường

CHƯƠNG VIII: KẾT LUẬN

....., ngày.....tháng.....năm.....
TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ bản đề nghị hỗ trợ số ... ngày ... tháng..... năm..... của tổ chức, cá nhân (Tên tổ chức, cá nhân đề nghị) đề nghị hỗ trợ đầu tư dự án (Tên dự án) và hồ sơ dự án kèm theo;

Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định kết quả hỗ trợ đầu tư đối với tổ chức, cá nhân đầu tư vào mô hình theo quy định tại chính sách hỗ trợ đầu tư sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn thành phố Đà Nẵng như sau:

I. HỒ SƠ THẨM ĐỊNH

1. Giấy đề nghị số:
2. Báo cáo mô hình:
3. Biên bản kiểm tra thực tế (nếu có):
4. Ý kiến của các cơ quan liên quan:
5. Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

II. THÔNG TIN DỰ ÁN

1. Tên dự án/phương án:
2. Chủ đầu tư:
3. Mục tiêu và quy mô mô hình (mục tiêu sản phẩm đầu ra của dự án, số lượng lao động dự kiến, các hạng mục đầu tư và diện tích đất sử dụng...):
4. Địa điểm thực hiện mô hình:
5. Dự kiến tổng mức đầu tư mô hình:
6. Dự kiến mức vốn đề nghị Nhà nước hỗ trợ:
7. Thời gian thực hiện:
8. Các thông tin khác (nếu có):

III. TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP

Tổng hợp ý kiến của các cơ quan phối hợp

IV. Ý KIẾN THẨM TRA CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ

1. Hỗ trợ đầu tư:

- Điều kiện đáp ứng:
- Mức hỗ trợ:
- Thời gian hỗ trợ:

2. Ý kiến khác:

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

V. KẾT LUẬN

Trên đây là ý kiến thẩm định nội dung đề nghị hỗ trợ chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn; Hội đồng thẩm định kính báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan tham gia Hội đồng
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu: Sở NN&PTNT, HĐ.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH CHÍNH SÁCH

(Kèm theo Báo cáo số ngày .../.../... của Hội đồng thẩm định chính sách
hỗ trợ nông nghiệp, nông thôn)

TT	Tổ chức, cá nhân	Nội dung đề nghị hỗ trợ	Kinh phí đề nghị hỗ trợ (tr.đồng)	Kinh phí hỗ trợ theo Hội đồng thẩm định (triệu đồng)	Thời gian thực hiện hỗ trợ	Ghi chú
1		1..... 2.....				
2		1..... 2.....				
3		1..... 2.....				
4		1..... 2.....				
						

TÊN CƠ QUAN

.....

Số:/QĐ-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

QUYẾT ĐỊNH**Phê duyệt kinh phí hỗ trợ chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn đợt
.....năm****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN/GIÁM ĐỐC SỞ**

Căn cứ Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc ban hành quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số/2023/NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ chính sách của Hội đồng thẩm định tại Văn bản sốngày tháng năm;

Theo đề nghị của,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kinh phí hỗ trợ theo chính sách hỗ trợ nông nghiệp, nông thôn đợtnămtheo phụ lục chi tiết đính kèm.

Nguồn kinh phí hỗ trợ thực hiện theo

Điều 2. Giao Phòng chủ trì và phối hợp với triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ theo đúng quy định về chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố và quy định của pháp luật.

Tổ chức, cá nhân được hỗ trợ chủ động liên hệ với Phòng để làm thủ tục triển khai và thanh toán tiền hỗ trợ theo quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 4. Chánh Văn phòng, các phòng, đơn vị liên quan và các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Kho bạc nhà nước ...;
-
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số ngày .../.../... của)

TT	Tổ chức, cá nhân	Nội dung hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ (tr.đồng)	Thời gian thực hiện hỗ trợ	Ghi chú
1		1..... 2.....			
2		1..... 2.....			
3		1..... 2.....			
4		1..... 2.....			
					

Mẫu số 05

TÊN ĐƠN VỊ

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-SNN

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO**Danh sách tổ chức, cá nhân không đủ****điều kiện hỗ trợ chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn đợtnăm**

.....

Căn cứ Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc ban hành quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số/2023/NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ chính sách của Hội đồng thẩm định tại Văn bản sốngày tháng năm;

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo danh sách tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện hỗ trợ đợt năm như sau:

TT	Tên tổ chức/ cá nhân	Nội dung đề nghị hỗ trợ	Lý do không được hỗ trợ
1			
2			
			

Ủy ban nhân dân huyệnthông báo để các chủ trang trại được biết./.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân theo danh sách;
- UBND các quận, huyện
- Lưu:;

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN...**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

V/v đề nghị nghiệm thu kết quả
hỗ trợ chính sách nông nghiệp,
nông thôn

...,ngày... ..tháng....năm.....

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc ban hành quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ văn bản phê duyệt kết quả hỗ trợ tại văn bản

Đến nay đã thực hiện xong nội dung chính sách hỗ trợ và kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức nghiệm thu kết quả hỗ trợ với các nội dung sau:

- Thời gian:

- Địa điểm:

Kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quan tâm, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KẾT QUẢ HỖ TRỢ

Hôm nay, ngày tháng năm

Địa điểm:

Đã thực hiện nghiệm thu kết quả hỗ trợ chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn theo đề nghị tại văn bản số ngày .../.../..., cụ thể như sau:

I. Các bên tham gia nghiệm thu:

1. Đại diện Sở Nông nghiệp và PTNT:

- Ông/bà Chức vụ Cơ quan

- Ông/bà Chức vụ Cơ quan

2. Đại diện đơn vị mời dự

- Ông/bà Chức vụ Cơ quan

- Ông/bà Chức vụ Cơ quan

3. Tổ chức, cá nhân:

- Ông/bà

- Chỗ ở hiện tại:

43. Đại diện đơn vị nhận thầu (trường hợp đấu thầu công việc thực hiện):

- Ông/bà Chức vụ Cơ quan

- Ông/bà Chức vụ Cơ quan

II. Thống nhất nghiệm thu kết quả hỗ trợ đã hoàn thành như sau:

1. Khối lượng hoàn thành:

..... (chi tiết từng nội dung đã thực hiện).

2. Khối lượng không thực hiện:

..... (chi tiết từng nội dung không thực hiện. Lý do).

3. Đề nghị được thanh toán tiền hỗ trợ như sau:

- Khối lượng hoàn thành 1 x đơn giá = đồng.

- Khối lượng hoàn thành 2 x đơn giá = đồng.

Tổng số tiền đề nghị thanh toán: (Viết bằng chữ).

Biên bản được lập thành bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên tham gia nghiệm thu giữ 01 bản và 01 bản để thanh toán kết quả hỗ trợ.

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

ĐƠN VỊ MỜI DỰ

PHỤ LỤC CHI TIẾT KHỐI LƯỢNG NGHIỆM THU

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu số /BB-NT ngày tháng năm)

[illegible]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm.....

ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN TIỀN HỖ TRỢ

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố và Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố;

Căn cứ văn bản số

Tên tổ chức, cá nhân.....

Địa chỉ:

Đề nghị được thanh toán tiền hỗ trợ như sau:

- Nội dung hỗ trợ:

+

+

- Số tiền đề nghị thanh toán:.....(Viết bằng chữ):.....

- Tài khoản chuyển tiền thanh toán:

Tên chủ tài khoảnsố tài khoản tại.....

- Hồ sơ kèm theo gồm:

+ Biên bản nghiệm thu kết quả hỗ trợ chính sách

+¹

+²

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC HỖ TRỢ

(ký, ghi rõ họ tên)

¹ Tài liệu, hồ sơ thanh toán theo quy định của Chương trình, dự án có chính sách được hưởng.

² Tài liệu, hồ sơ thanh toán theo quy định của Kho bạc Nhà nước.

UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 11 năm 2023

BẢNG TỔNG HỢP

Giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND thành phố Đà Nẵng ban hành quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố (Theo Công văn số 4424/SNN-VP ngày 20/10/20223 và Công văn số 4771/SNN-KHTCXD ngày 09/11/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Đà Nẵng)

STT	CƠ QUAN	Ý KIẾN	TIẾP THU		GIẢI TRÌNH	GHI CHÚ
			Có	Không		
1	Văn phòng UBND thành phố	1. Về hồ sơ đánh giá tác động thủ tục hành chính - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thực hiện đánh giá về sự cần thiết, tính hợp pháp, tính hợp lý và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trong xây dựng dự thảo Nghị quyết. Tuy nhiên việc sử dụng biểu mẫu chưa phù hợp, bởi lẽ thủ tục hỗ trợ hình thành vùng sản xuất tập trung, chuyên canh, vùng sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ, sinh thái và hỗ trợ cơ giới hóa nông nghiệp là hai thủ tục ban hành mới; do đó phải sử dụng Biểu mẫu số 02/BĐGTD-BHM tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Còn những thủ tục đã được ban hành tại Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND nhưng có nội dung sửa đổi, bổ sung thì sử dụng biểu mẫu số 03/BĐGTD-QĐCT/SĐBS và chỉ tiến hành đánh giá tác động đối với những bộ phận tạo thành của thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung. Việc tính toán chi phí tuân thủ thủ tục hành chính đối với thủ tục ban hành mới và thủ tục sửa đổi, bổ sung theo Biểu mẫu số 04/BĐGTD-SCM - Đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND thành phố, sau khi	x		- Tại dự thảo Nghị quyết sửa đổi đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 20 “quy định trình tự, thủ tục thực hiện chính sách hỗ trợ” và Điều 21 “nghiệm thu và thanh toán kinh phí hỗ trợ”. Theo đó, sửa đổi, bổ sung 02 thủ tục hành chính: hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn (mã TTHC: 1.011261) và nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư hoặc toàn bộ dự án hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn (mã TTHC: 1.011260) theo hướng thay đổi thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ từ UBND quận, huyện thành Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, sửa đổi bổ sung một số thành phần hồ sơ. (Nội	Công văn số 4186/VP-KSTT ngày 27/10/2023 về việc tham gia ý kiến đối với hồ sơ xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung có quy định thủ tục hành chính

		đánh giá tác động của thủ tục hành chính, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tổng hợp kết quả đánh giá tác động của thủ tục hành chính vào Tờ trình dự thảo Nghị quyết theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 Thông tư số 03/2022/TT-BTP (không cần thực hiện Biểu mẫu 01/BĐGTĐ-BC)			dung này tại tiết 2, điểm a, Khoản 5, Công văn số 3537/STP-XDKTVB ngày 01/8/2023 về việc thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND) văn bản Sở Tư pháp cũng đã có ý kiến đề nghị xem xét đây là thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung). Sở đã thực hiện các biểu mẫu theo đúng quy định. - Sở đã tổng hợp báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính vào Tờ trình dự thảo Nghị quyết.	
		2. Về sự cần thiết quy định về thủ tục hành chính tại dự thảo Dự thảo Nghị quyết quy định sửa đổi, bổ sung chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố; trong đó có ban hành mới, sửa đổi, bổ sung một số thủ tục hành chính đặc thù. Do đó việc quy định thủ tục hành chính mới hoặc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng đối với đối tượng được hỗ trợ là hết sức cần thiết	X		Đã tiếp thu	
		3. Về tính hợp pháp, tính hợp lý, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính được quy định tại dự thảo - Tính hợp pháp: Thủ tục hành chính được ban hành theo đúng thẩm quyền được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính. - Tính hợp lý: + Đối với điều kiện hỗ trợ sản xuất nấm thương phẩm, nấm dược liệu (sửa đổi, bổ sung): Đề nghị xem xét lại việc sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 8 Quy định (kèm theo Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND) như sau: “ Quy mô diện tích nhà trồng nấm tối thiểu từ 100 m² trở lên đối với nấm dược	X	X	- Sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 2 Điều 8 - Đã điều chỉnh điểm e, khoản 3, Điều 20 dự thảo Do đánh nhầm điểm a khoản 2 Điều 8 thành Điểm b, khoản 2, điều 8. Do đó đã tiếp thu và	

		liệu và 200 m² trở lên đối với nấm thương phẩm” vì bất cập so với điểm a khoản 2 Điều 8 Quy định “Dự án có quy mô diện tích tối thiểu phải đạt từ 1 ha trở lên, trường hợp trồng trong nhà lưới, nhà màng, nhà kính phải có quy mô tối thiểu từ 3.000 m² trở lên”. + Về thời hạn giải quyết đối với thủ tục thực hiện chính sách hỗ trợ: “Đề nghị điều chỉnh điểm e khoản 3 Điều 20 thành “40 ngày làm việc” cho phù hợp và thống nhất với tổng thời gian (ngày làm việc) thực hiện các bước tại nội dung trình tự thực hiện quy định tại Khoản 2 Điều 20.			điều chỉnh nội dung điều chỉnh là: Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 8 như sau: “ Quy mô diện tích nhà trồng nấm tối thiểu từ 100 m² trở lên đối với nấm dược liệu và 200 m² trở lên đối với nấm thương phẩm	
		4. Ý kiến khác: Đề nghị điều chỉnh thứ tự số Điều của Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND (hiện có hai Điều 2) tại Nghị quyết sửa đổi, bổ sung lần này.	x		Đã điều chỉnh	
2	UBND phường Thạch Thang	Thống nhất với dự thảo	x			Công văn số 984/UBND-ĐCXĐ ngày 30/10/2023 của UBND phường Thạch Thang
3	UBND phường Thọ Quang	Thống nhất với dự thảo	x			Công văn số 2084/UBND-ĐCMT ngày 31/10/2023
4	Viện Nghiên cứu Phát triển kinh tế-xã hội	1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 10 như sau: “Quy mô diện tích tối thiểu phải đạt từ 1ha trở lên, trường hợp trồng trong nhà lưới, nhà màng, nhà kính phải có quy mô tối thiểu từ 3.000 m² trở lên” - Đối với diện tích làm nhà màng, nhà lưới cần điều chỉnh diện tích xuống khoảng 1000 m² trở lên vì thực tế chi phí đầu tư cho thiết bị này rất cao và điều kiện đặc thù trên địa bàn thành phố Đà Nẵng sẽ rất khó thực hiện với diện tích trên. Chi phí hỗ trợ cần được tính bằng 50% chi phí thực hiện mô hình.	x		Đã tiếp thu, điều chỉnh Điều 10 như sau: “1. Nội dung, mức hỗ trợ: Hỗ trợ 20 triệu đồng/ha nhưng tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án, phương án để đầu tư trồng cây dược liệu, trồng xen canh cây dược liệu, trường hợp trồng cây dược liệu trong nhà lưới, nhà kính, nhà màng thì được hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư nhưng không quá 01 tỷ đồng/dự án, phương án.	

					2. Điều kiện hỗ trợ - Quy mô diện tích tối thiểu phải đạt từ 5.000 m², trường hợp trồng xen canh dưới tán rừng thì phải có quy mô diện tích tối thiểu là 02 ha và trồng trong nhà lưới, nhà màng, nhà kính phải có quy mô tối thiểu từ 500 m² trở lên. - Cây dược liệu phải thuộc danh mục cây dược liệu do Bộ Y tế ban hành”.	
		2. Điều 14. Chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ, sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp gắn với phục vụ du lịch - Bổ sung chính sách hỗ trợ đối với các mô hình nông nghiệp tái tạo, nông nghiệp các bon thấp nhằm giải phát thải CO2 hướng đến mục tiêu Netzero vào năm 2050. - Đối với sản xuất lúa hữu cơ: Yêu cầu diện tích 10ha là chưa phù hợp với điều kiện sản xuất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Cần điều chỉnh mức diện tích thấp hơn.	X		Chính sách này rất khó và cần có nghiên cứu, tuy nhiên tại Điều 14 đã bổ sung các nội dung về hỗ trợ nông nghiệp hữu cơ, sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp đô thị, nông nghiệp phục vụ du lịch, sinh thái, trải nghiệm. Do đó đã cơ bản đảm bảo theo góp ý nêu trên. Đã điều chỉnh quy mô DT lúa hữu cơ xuống còn 05 ha	
		3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 16 như sau: Hỗ trợ 50% kinh phí theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền, tối đa không quá 500 triệu đồng/trung tâm OCOP cấp quận, huyện và 01 tỷ đồng/Trung tâm OCOP cấp thành phố. Trường hợp chủ thể là cơ quan, đơn vị của nhà nước thì được đầu tư kinh phí theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền hoặc được sử dụng từ nguồn kinh phí Quỹ hoạt động sự nghiệp (đơn vị sự nghiệp có thu) để đầu tư” - Đối với mức hỗ trợ xây dựng Trung tâm OCOP cấp thành	X		Đã nghiên cứu, điều chỉnh nội dung hỗ trợ Điểm, trung tâm OCOP cơ bản theo góp ý và phù hợp với điều kiện thành phố. Đối với Trung tâm OCOP thành phố đề nghị giữ nguyên mức hỗ trợ 1 tỷ đồng, trường hợp Trung tâm OCOP do Nhà	

		phổ cập điều chỉnh mức hỗ trợ cao hơn nhằm xây dựng Trung tâm OCOP tại thành phố Đà Nẵng và Khu vực miền Trung - Tây Nguyên theo tinh thần của Nghị quyết số 43-NQ/TW về phát triển ngành nông nghiệp theo hướng “Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành Nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đẩy mạnh phát triển sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn; chú trọng các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, giá trị kinh tế cao phục vụ đô thị và du lịch”		X	nước đầu tư, quản lý thi thực hiện theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền và khả năng cân đối ngân sách theo quy định về đầu tư công	
5	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Thống nhất với dự thảo	X			Công văn số 3258/SLĐTĐBXH-QLGDNN ngày 02/11/2023
6	UBND huyện Hòa Vang	1. Thống nhất với dự thảo Quyết định 2. Có một số nội dung đề nghị bổ sung thêm, cụ thể: - Tại điểm c, khoản 1, Điều 1 của Dự thảo Nghị quyết: Đối với các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã được quy định chi tiết tỷ lệ 1/500, trường hợp đặc biệt, đối với dự án có quy mô lớn, có tác động lan tỏa đến phát triển kinh tế-xã hội thành phố phải thực hiện thu hồi, bồi thường, giải phóng mặt bằng để giao đất sạch cho nhà đầu tư, UBND thành phố xây dựng phương án trình Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định. Đề nghị bổ sung và sửa thành: Đối với các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã được quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, trường hợp đặc biệt, chọn thí điểm thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch từ 5-10 ha để triển khai dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao(theo hình thức đấu giá thuê đất, thuê đất hoặc đấu thầu dự án... theo đúng quy định), UBND thành phố xây dựng phương án trình Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định. Lý do đề xuất bổ sung, điều chỉnh: Trên địa bàn huyện Hòa Vang hiện có 03 vùng dự án được quy hoạch chi tiết 1/500, thời gian vừa qua có rất nhiều nhà đầu tư gửi hồ sơ, liên hệ đề	X X	X	Đã tiếp thu và chỉnh sửa nội dung liên quan đến chính sách hỗ trợ đất đai và đã thực hiện lấy ý kiến góp ý của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các quận, huyện. Nội dung cơ bản đảm bảo theo góp ý của UBND huyện Hòa Vang và có điều chỉnh, bổ sung các nội dung chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện tích tụ, tập trung đất đai theo đề nghị của UBND huyện Hòa Vang. Nội dung này chỉnh sửa theo điều 62 Luật đất đai, còn quy mô thu hồi đất 5 – 10 ha cụ thể theo phương án trình HĐND thành phố xem xét, thống nhất.	

	nghị thực hiện dự án. Tuy nhiên hiện trạng các vùng đất đai đã giao quyền sử dụng cho người dân, việc doanh nghiệp thực hiện dự án thông qua chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 73, Luật Đất đai không thực hiện được. Do đó, cần thiết điều chỉnh, bổ sung nội dung này nhằm tạo điều kiện sớm đưa các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vào hoạt động và khai thác hiệu quả phân khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy hoạch chung của thành phố. - Về hỗ trợ tiền thuê đất sản xuất nông nghiệp: Đề nghị tăng mức hỗ trợ là hỗ trợ 50% tiền thuê đất, tối đa không quá 30 triệu đồng/ha/năm, thời gian hỗ trợ là 08 năm kể từ khi hoàn thành xong các thủ tục thuê đất và phương án, dự án đi vào hoạt động. - Đề nghị bổ sung thêm điểm d) vào khoản 2 Điều 1: Đối với các thiết bị mới, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp (máy gieo cây, thiết bị bay (phun phân, thuốc)...các thiết bị có giá trị trên 700 triệu đồng, được ngân sách hỗ trợ 70% giá trị, tối đa không quá 500 triệu đồng/máy, thiết bị/HTX. - Đối với nội dung sửa đổi bổ sung điểm b, khoản 2 Điều 9: Đề nghị sửa lại như sau: Quy mô diện tích nuôi tối thiểu phải đạt từ 3.000 m² (bò phù hợp với kế hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản của UBND quận, huyện). - Đối với nội dung sửa đổi, bổ sung điểm b, Khoản 2 Điều 9: Đề nghị sửa lại như sau: Quy mô diện tích nuôi tối thiểu phải đạt từ 5.000 m² trở lên, trường hợp trồng trong nhà lưới, nhà màng, nhà kính phải có quy mô tối thiểu từ 1.000 m² trở lên. - Tại điểm đ, khoản 1, Điều 14: Hỗ trợ chăn nuôi hữu cơ, an toàn sinh học (lợn, bò, dê, gà). Đề nghị sửa thành: Hỗ trợ chăn nuôi hữu cơ, an toàn sinh học (lợn, bò, dê, gà, cút). - Tại điểm e, Khoản 1, Điều 15: Hỗ trợ 100% chi phí xây dựng, đăng ký nhãn hiệu, xây dựng trang thông tin điện tử, đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử, mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/ nhãn hiệu và không quá 15 triệu đồng đối	X X X	Về hỗ trợ tiền thuê đất: Thống nhất tăng mức hỗ trợ nhưng nội dung tăng mức hỗ trợ cho cá nhân, tổ chức cho thuê quyền sử dụng đất. Đồng thời bổ sung các nội dung hỗ trợ tích tụ, tập trung đất đai	Không tiếp thu, giữ nguyên theo mức hỗ trợ tại dự thảo	Giữ nguyên nội dung dự thảo để đảm bảo quản lý vùng nuôi trồng thủy sản phù hợp, hạn chế phát triển không đúng quy định	Tiếp thu và điều chỉnh
--	---	---------------------	--	--	---	------------------------

		với xây dựng trang thông tin điện tử, đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử. Đề nghị nâng lên mức không quá 30.000.000 đồng đối với xây dựng trang thông tin điện tử, đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử. Vì thực tế chi phí này mức thấp nhất là 30.000.000 đồng.			Tiếp thu và điều chỉnh Tiếp thu và điều chỉnh	
7	Sở Công thương (Công văn số 2892/SCT- KHTCTH ngày 06/11/2023)	Tại điểm g khoản 9 Điều 1 - Hỗ trợ chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP) có nội dung quy định: “Hỗ trợ tham gia hội chợ, triển lãm: Hỗ trợ 100% chi phí (thuê, trang trí gian hàng, trang trí, vận chuyển...) tối đa không quá 15 triệu đồng/chủ thể đối với tham gia hội chợ, triển lãm trong thành phố; 20 triệu đồng/chủ thể đối với tham gia hội chợ ngoài thành phố và không quá 100 triệu đồng/ chủ thể đối với tham gia hội chợ nước ngoài, mỗi đơn vị được hỗ trợ không quá 02 lần tham gia/năm”. Tuy nhiên, tại điểm d khoản 2 Điều 13 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính quy định: “Chi hỗ trợ tổ chức các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu sản phẩm OCOP: Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia”. Vì vậy, đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát lại định mức hỗ trợ để đảm bảo sự phù hợp		X	Đối với Thông tư 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 và nay là Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Đối tượng áp dụng của Thông tư là các cơ quan, đơn vị, tổ chức cá nhân hưởng thụ nguồn kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình. Do đó, đối với Nghị quyết đặc thù của thành phố và kinh phí từ ngân sách thành phố hỗ trợ Chương trình OCOP không thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định trên. Đối với các chủ thể OCOP thành phố rất khó có điều kiện tham gia các hội chợ, triển lãm trên địa bàn thành phố và cần có chính sách hỗ trợ để đẩy mạnh xúc tiến thương mại đối với sản phẩm OCOP, do đó Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất mức hỗ trợ đặc thù của thành	Sở NN và PTNT đã giải trình và có Công văn số 4771/SNN-KHTCXD ngày 09/11/2023 giải trình ý kiến góp ý và đề nghị Sở Công Thương xem xét, có ý kiến đối với nội dung giải trình theo ý kiến góp ý

						phổ bằng với mức hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm theo Nghị quyết 53/2021/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.	
		Tại điểm c khoản 11 Điều 1- Về thẩm quyền quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ: “Đối với nguồn kinh phí từ ngân sách cấp cho các sở, ngành và UBND các quận huyện: Giám đốc các sở, ngành và Chủ tịch UBND các quận, huyện chủ động sử dụng ngân sách trong dự toán hằng năm để quyết định phê duyệt các nội dung chính sách theo Nghị quyết”. Vì các sở khác (trong đó có Sở Công thương) cũng có phát sinh sử dụng kinh phí ngân sách cấp để thực hiện hỗ trợ liên quan đến các Chương trình phát triển sản phẩm OCOP.	X			Đã tiếp thu và điều chỉnh	
8	Sở Công thương (Công văn số 2940/SCT-KHTCTH ngày 10/11/2023)	Tại Điều 87 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính có quy định một số nội dung chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), trong đó tại điểm d khoản 2 quy định: “Chi hỗ trợ tổ chức các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu sản phẩm OCOP: Nội dung chi và mức chi thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, quy định tại Thông tư số 171/2014/TT-BTC, Thông tư số 11/2019/TT-BCT và Thông tư 40/2020/TT-BCT”. Theo ý kiến của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các chủ thể OCOP thành phố Đà Nẵng rất khó có điều kiện tham gia các hội chợ, triển lãm, cần phải có chính sách hỗ trợ đặc thù của địa phương để đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại đối với sản phẩm OCOP, do đó Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất mức hỗ trợ đặc thù bằng với mức hỗ trợ tại Nghị quyết số 53/2021/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của HĐND thành phố quy định chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố. Tuy			X	Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Đối tượng áp dụng của Thông tư là các cơ quan, đơn vị, tổ chức cá nhân hưởng thụ nguồn kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình. Do đó, đối với Nghị quyết đặc thù của thành phố và kinh phí từ ngân sách thành phố hỗ trợ	Cơ quan soạn thảo giữ nguyên mức hỗ trợ do mức hỗ trợ nêu trên đã đề xuất trong hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết, đã lấy ý kiến của các ủy viên UBND thành phố và UBND thành phố thống nhất thông qua tại Quyết định số đã ban hành Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 04/10/2023 về việc

		nhiên, tính chất phát triển sản phẩm OCOP và sản phẩm công nghiệp hỗ trợ hoàn toàn khác nhau. Do đó, việc vận dụng mức chi hỗ trợ tham gia hội chợ triển lãm tại Nghị quyết số 53/2021/NQ-HĐND để đề xuất mức chi đặc thù cho sản phẩm OCOP, Sở Công Thương không có ý kiến tham gia, đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo UBND thành phố xem xét, quyết định		Chương trình OCOP không thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định trên. Đối với các chủ thể OCOP thành phố rất khó có điều kiện tham gia các hội chợ, triển lãm trên địa bàn thành phố và cần có chính sách hỗ trợ để đẩy mạnh xúc tiến thương mại đối với sản phẩm OCOP, do đó Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất mức hỗ trợ đặc thù của thành phố bằng với mức hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm theo Nghị quyết 53/2021/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.	thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của HĐND thành phố Đà Nẵng. Đây là chính sách đặc thù nhằm tạo điều kiện để các chủ thể OCOP tham gia hội chợ, đẩy mạnh xúc tiến thương mại và phù hợp với các chính sách hỗ trợ khác của thành phố
9	Sở Tư pháp	1. Về nội dung bổ sung Tại điểm c khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết có quy định nội dung “c) Đối với các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã được quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, trường hợp đặc biệt, đối với dự án có quy mô lớn, có tác động loan tỏa đến phát triển kinh tế - xã hội thành phố phải thực hiện thu hồi, bồi thường, giải phóng mặt bằng để giao đất sạch cho nhà đầu tư, UBND thành phố xây dựng phương án trình Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định. “ Tuy nhiên, nội dung này nằm ngoài dấu ngoặc kép của Khoản 1 Điều 1, do đó, không rõ quy định này sửa đổi, bổ sung nội dung nào của Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND. Trường hợp là nội dung bổ sung Điều 7a Quy định kèm theo Nghị quyết số	X	Đã tiếp thu, nghiên cứu quy định về thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố, quy định tại Điều 62 Luật Đất đai và dự thảo Luật đất đai sửa đổi và điều chỉnh, bổ sung như sau: “c) Đối với các dự án, phương án để hình thành khu, vùng sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản tập trung phục vụ phát triển kinh tế - xã hội theo quy hoạch của thành phố phải thực hiện thu hồi, bồi thường,	

	329/2020/NQ-HĐND thì đề nghị trình bày trong dấu ngoặc kép. Ngoài ra, theo quy định tại Điều 66 Luật Đất đai năm 2013 quy định về thẩm quyền thu hồi đất không có trường hợp nào việc thu hồi đất do Thường trực HĐND thành phố quyết định. Bên cạnh đó, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng cũng không quy định trường hợp phải thông qua Thường trực HĐND thành phố trước khi thu hồi đất, giải phóng mặt bằng. Theo khoản 3 Điều 6 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019) quy định “Thường trực HĐND là cơ quan thường trực của HĐND, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật này và các quy định khác của luật có liên quan”. Qua rà soát nhận thấy Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Luật Đất đai không có quy định về thẩm quyền của Thường trực HĐND cấp tỉnh trong việc quyết định thu hồi, bồi thường, giải phóng mặt bằng. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Đất đai và các luật khác có liên quan để xem xét lại quy định nêu trên cho phù hợp.			giải phóng mặt bằng, UBND thành phố xây dựng phương án trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, chấp thuận.” Nội dung này đề xuất nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc hiện nay đối với tình hình thu hút đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu, vùng nông nghiệp công nghệ cao. Trên cơ sở báo cáo của UBND huyện Hòa Vang, Sở NN & PTNT đã đề xuất UBND cho thí điểm, thu hồi tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư từ 3 – 5ha để kêu gọi, thu hút đầu tư và được UBND thành phố thống nhất, giao UBND huyện Hòa Vang nghiên cứu, xây dựng phương án tại Công văn số 6033/UBND-ĐTĐT ngày 02/11/2023	
	Về nội dung đánh giá thủ tục hành chính a) Về bản đánh giá thủ tục hành chính Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thêm mục “ lấy ý kiến” theo mẫu số 01/GDTĐ-BC Phụ lục II, phần này nêu rõ việc lấy ý kiến của cơ quan kiểm soát thủ tục hành chính cùng cấp theo quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính và các cá nhân, tổ chức liên quan về dự thảo bản đánh giá thủ tục hành chính của dự án, dự thảo văn bản (mô tả các phương pháp lấy ý kiến, việc phản hồi, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý) b) Về chi phí tuân thủ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ Tại bảng chi phí tuân thủ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ mức thu nhập bình quân/l giờ làm việc đối với thủ tục hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn, chưa tính	X		Đã điều chỉnh	Công văn số 5025/STP-XDKTVB ngày 03/11/2023 về việc góp ý dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND

		toán chi phí còn lại đối với thủ tục này cũng như không có bảng tính chi phí tuân thủ đối với thủ tục nghiệm thu và thanh toán kinh phí hỗ trợ. Đề nghị bổ sung đầy đủ các nội dung tính toán làm cơ sở đánh giá sự phù hợp của việc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính. Ngoài ra, cơ quan soạn thảo không thực hiện so sánh chi phí mà sử dụng biểu so sánh theo mẫu của Thông tư 03/2022/TT-BTP là không phù hợp. Mẫu này là ví dụ để tiến hành so sánh với chi phí trên thực tế, không thể sử dụng làm biểu so sánh đối với 02 thủ tục hành chính tại hồ sơ dự thảo. Đề nghị cơ quan soạn thảo dự trên số liệu thực tế để có biểu so sánh tương thích. Bên cạnh đó, điểm c khoản 2 Điều 10 Thông tư số 03/2022/TT-BTP quy định: “Đối với việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính tại dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, dự thảo quyết định của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì cơ quan chủ trì soạn thảo tổng hợp kết quả đánh giá tác động của thủ tục hành chính vào Tờ trình dự thảo nghị quyết, quyết định đó”. Tuy nhiên, dự thảo Tờ trình chưa có nội dung tổng hợp kết quả đánh giá tác động thủ tục hành chính, do đó, đề nghị bổ sung cho đầy đủ				
		3. Về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản a) đề nghị điều chỉnh tên gọi và Điều 1 dự thảo Nghị quyết “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng” thành “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng” theo đúng mẫu số 36 Phụ lục I kèm theo Nghị quyết số	X		Đã tiếp thu và điều chỉnh	

		154/2020/NQ-HĐND. b) Tại Điều 1 Dự thảo Nghị quyết, đề nghị điều chỉnh “Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định...” thành “sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định...” c) Tại điều 1 dự thảo không có khoản 8 nhưng có khoản 9 và cả khoản tiếp theo, đồng thời có 02 khoản 11. Đề nghị sắp xếp lại số khoản đúng quy định. Ngoài ra, đề nghị rà soát lại một số lỗi chính tả trong nội dung dự thảo Nghị quyết. d) tại nơi nhận dự thảo Nghị quyết, đề nghị bổ sung cơ quan nhận gồm: Vụ pháp chế- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và cơ quan Công báo theo quy định tại Điều 67 Nghị định 34/2016/NĐ-CP				
10	Sở Tài chính	Đề nghị Sở NN&PTNN bổ sung nội dung về nguồn lực thực hiện (tăng/giảm hay không thay đổi so với Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND). Tại khoản 11, Điều 1(khoản 12 mà dự thảo nhầm là khoản 11) dự thảo Nghị quyết điều chỉnh Điều 21 Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND thành phổ về nghiệm thu và thanh toán kinh phí hỗ trợ, dự thảo có quy định Hội đồng nghiệm thu gồm đại diện cơ quan tài chính. Đề nghị Sở NN&PTNN bỏ cụm từ “cơ quan tài chính” vì nhiệm vụ nghiệm thu không thuộc chức năng, nhiệm vụ của Sở Tài chính theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BTC ngày 28/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Quyết định số 31/2023/QĐ-UBND ngày 05/9/2023 của UBND thành phố, thuộc chức năng nhiệm vụ của cơ quan quản lý chuyên ngành. Đồng thời, đề nghị Sở NN&PTNN điều chỉnh Điều 21 Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND thành: “2. Trình tự, thủ tục thực hiện a) Sau khi hoàn thành các nội dung đầu tư, tổ chức, cá nhân có văn bản đề nghị nghiệm thu gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn b) Trên cơ sở văn bản đề nghị nghiệm thu của tổ chức, cá nhân, trong thời hạn 15 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tham mưu thành lập Hội đồng nghiệm thu để tổ chức nghiệm thu. Biên bản nghiệm thu của Hội đồng nghiệm thu là căn cứ để giải ngân, thanh toán kinh phí hỗ trợ cho nhà thầu 29/11/2023 15:10:32-khanhly-khanhly-khanhly 2 đầu tư. Nội	X			Đã bổ sung trong Tờ trình, nguồn lực thực hiện giám so với Nghị quyết số 329. Đã tiếp thu và điều chỉnh trong dự thảo

		dung biên bản nghiệm thu phải xác định cụ thể khối lượng, giá trị từng hạng mục được nghiệm thu theo dự toán được phê duyệt và kinh phí được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước. c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi có kết quả nghiệm thu của Hội đồng nghiệm thu, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông có nhiệm vụ thẩm định, kiểm tra và có quyết định cấp kinh phí hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân. d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định cấp kinh phí hỗ trợ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện giải ngân kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân”.				
11	BQL An toàn thực phẩm thành phố	Thống nhất nội dung dự thảo				
12	Liên Minh HTX thành phố	Thống nhất với nội dung dự thảo				
13	Sở Nội vụ	Thống nhất với nội dung dự thảo				
14	UBND phường Hòa Khánh Nam, Nam Dương, Vĩnh Trung	Thống nhất với nội dung dự thảo				
15	Các cơ quan, đơn vị khác	Không có ý kiến xem như thống nhất với dự thảo				
II	Nội dung họp, thảo luận góp ý các nội dung liên quan đến chính sách					
1	Giấy mời số 155/GM-SNN ngày 24/10/20023, thành phần: Sở TN & MT, UBND huyện HV, BQL DA ĐTXD các CT NN & PTNT, các đơn vị của Sở	Họp liên quan đến triển khai hình thành khu, vùng nông nghiệp công nghệ cao và chính sách hỗ trợ hình thành vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Trên cơ sở nội dung báo cáo khó khăn, vướng mắc của UBND huyện Hòa Vang, cuộc họp đã thống nhất nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách như sau: Nghiên cứu có cơ chế, chính sách hỗ trợ để vận động nhân dân thực hiện tích tụ, tập trung đất đai. Do đó, cần nghiên cứu, bổ sung các nội dung chính sách: - Tăng mức hỗ trợ tiền thuê đất từ 20 triệu đồng/ha lên 30 triệu đồng/ha hoặc 40 triệu đồng/ha. - Có chính sách hỗ trợ cả đối với tổ chức, cá nhân cho thuê,	X		Đã nghiên cứu, tiếp thu và hoàn chỉnh nội dung dự thảo chính sách theo tinh thần nội dung thống nhất tại cuộc họp nêu trên	

		góp vốn, chuyển quyền sử dụng đất và tổ chức cá nhân thực hiện tích tụ, tập trung đất đai. - Kinh phí thu hồi, giải phóng mặt bằng hiện nay rất cao, khoảng 6 tỷ đồng/ha, do đó cần có chính sách để vận động nhân dân cho thuê hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để hạn chế việc thu hồi, giải phóng mặt bằng ảnh hưởng đến ngân sách TP. - Thống nhất chủ trương theo đề xuất của UBND huyện Hòa Vang, đề xuất thành phố thu hồi thí điểm từ 3- 5ha tại vùng NNCNC Hòa Phú hoặc Hòa Khương, Hòa Phong. Đề nghị Sở NN & PTNT nghiên cứu quy định Luật Đất đai để đề xuất, bổ sung nội dung Nghị quyết - Nghiên cứu các chính sách của các địa phương như Hà Nam, Thanh Hóa, Hà Tĩnh,... để nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc hiện nay. (đính kèm Biên bản họp)					
2	Họp thảo luận, góp ý nội dung dự thảo Nghị quyết theo Giấy mời số 169/GM-SNN ngày 06/11/2023	Tại cuộc họp đã thực hiện rà soát, nghiên cứu, trao đổi thảo luận và thống nhất các nội dung điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với điều kiện thực tế và thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện (đính kèm dự thảo Nghị quyết đã tổng hợp, chỉnh sửa tại cuộc họp)	X			Cơ bản các nội dung họp đã được tiếp thu, hoàn chỉnh và đã có Công văn số 4771/SNN-KHTCXD ngày 09/11/2023 để rà soát, có ý kiến bổ sung trước khi trình Sở Tư pháp thẩm định	

UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 11 năm 2023

BẢNG TỔNG HỢP GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA SỞ TƯ PHÁP
Hồ sơ dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố

TT	Nội dung	Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp	Ý kiến Sở Nông nghiệp và PTNT		Giải trình
			Tiếp thu	Không tiếp thu	
1	Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của văn bản	Như dự thảo là phù hợp	X		
2	Sự phù hợp của nội dung văn bản với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của văn bản với hệ thống pháp luật	a) Sự phù hợp của nội dung văn bản với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước Nội dung văn bản phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân.	X		
		b) Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của văn bản với hệ thống pháp luật Dự thảo được xây dựng phù hợp với thẩm quyền của HĐND thành phố quy định tại Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; phù hợp với điều kiện, tình hình phát triển kinh tế-xã hội của thành phố Đà Nẵng và đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của văn bản với hệ thống pháp luật. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan soạn thảo tổng hợp kết quả đánh giá tác động của thủ tục hành chính vào Tờ trình dự thảo Nghị quyết theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Nội dung này đã được Sở Tư pháp có ý kiến đề nghị tại Công văn số 5025/STP-XDKTVB ngày 03/11/2023.	X		Đã điều chỉnh, bổ sung mục V. Kết quả đánh giá tác động chính sách và đánh giá thủ tục hành chính vào Tờ trình của UBND thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
3	Sự phù hợp của nội	Nội dung dự thảo cơ bản phù hợp với nội dung chính sách trong đề nghị xây	X		

	dung văn bản với các quy định trong văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân quy định chi tiết	dụng Nghị quyết đã được Thường trực HĐND thành phố thông qua tại Công văn số 268/HĐND-KTNS ngày 17/10/2023. Một số nội dung điều chỉnh khác với nội dung được Thường trực HĐND thành phố thông qua tại Công văn số 268/HĐND-KTNS ngày 17/10/2023 đã được cơ quan soạn thảo giải trình đầy đủ, cụ thể tại dự thảo Tờ trình			
4	Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản	Đề nghị tuân thủ quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể như sau: a) Tại căn cứ ban hành văn bản, đề nghị bổ sung “Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015” b) Đề nghị đưa các nội dung sửa đổi, bổ sung vào trong dấu ngoặc kép (khoản 1, khoản 9, khoản 10 Điều 1 dự thảo Nghị quyết). c) Tại khoản 6 Điều 1 dự thảo Nghị quyết, đề nghị trình bày các tiêu mục dưới dạng các điểm a, b..., không trình bày gạch đầu dòng. d) Đề nghị rà soát, điều chỉnh lại một số lỗi chính tả trong dự thảo Nghị quyết (khoản 2, khoản 5, khoản 9, khoản 10, khoản 11 Điều 1 dự thảo Nghị quyết), trong đó lưu ý không viết hoa chữ cái đầu tiên sau dấu chấm phẩy (;), chỉ viết hoa theo các trường hợp được quy định tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Khi trích dẫn các Điều, đề nghị viết hoa chữ cái đầu tiên của từ “Điều”, không viết thường chữ cái đầu tiên, tương tự đối với các từ “Mẫu số...” để thống nhất với nội dung tại dự thảo Nghị quyết và các Mẫu ban hành kèm theo Nghị quyết. Ngoài ra, từ “ủy ban nhân dân” được trình bày ở một số khoản ghi đầy đủ không viết tắt, một số khoản khác lại viết tắt là “UBND” là chưa thống nhất, đề nghị điều chỉnh lại cho thống nhất. Tại khoản 9 Điều 1 dự thảo Nghị quyết (sửa đổi điểm h Khoản 1 Điều 15), đề nghị điều chỉnh dấu phẩy (,) thành dấu chấm phẩy (;) sau mỗi loại sản phẩm để phân biệt được các loại sản phẩm khác nhau. đ) Đề nghị không đưa những nội dung có chú thích footnote vào dự thảo Nghị quyết, chỉ sử dụng ở dự thảo Tờ trình. e) Phụ lục ban hành kèm theo dự thảo Nghị quyết cần được đính kèm cùng với dự thảo Nghị quyết, đề nghị không tách rời Phụ lục khỏi dự thảo Nghị quyết.	X		Đã tiếp thu và điều chỉnh

UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
SỞ TƯ PHÁP

Số: 5261/STP-XDKTVB
V/v thẩm định dự thảo văn bản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 11 năm 2023

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 4794/SNN-KHTC ngày 10/11/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND thành phố ban hành quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Sau khi nghiên cứu hồ sơ, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của văn bản

Như dự thảo là phù hợp.

2. Sự phù hợp của nội dung văn bản với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của văn bản với hệ thống pháp luật

a) Sự phù hợp của nội dung văn bản với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Nội dung văn bản phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân.

b) Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của văn bản với hệ thống pháp luật

Dự thảo được xây dựng phù hợp với thẩm quyền của HĐND thành phố quy định tại Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; phù hợp với điều kiện, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Đà Nẵng và đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của văn bản với hệ thống pháp luật.

Tuy nhiên, đề nghị cơ quan soạn thảo tổng hợp kết quả đánh giá tác động của thủ tục hành chính vào Tờ trình dự thảo Nghị quyết theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Nội dung này đã được Sở Tư pháp có ý kiến đề nghị tại Công văn số 5025/STP-XDKTVB ngày 03/11/2023.

3. Sự phù hợp của nội dung văn bản với các quy định trong văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân quy định chi tiết

Nội dung dự thảo cơ bản phù hợp với nội dung chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết đã được Thường trực HĐND thành phố thông qua tại Công văn số 268/HĐND-KTNS ngày 17/10/2023.

Một số nội dung điều chỉnh khác với nội dung được Thường trực HĐND thành phố thông qua tại Công văn số 268/HĐND-KTNS ngày 17/10/2023 đã được cơ quan soạn thảo giải trình đầy đủ, cụ thể tại dự thảo Tờ trình.

4. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Đề nghị tuân thủ quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể như sau:

a) Tại căn cứ ban hành văn bản, đề nghị bổ sung “Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015”.

b) Đề nghị đưa các nội dung sửa đổi, bổ sung vào trong dấu ngoặc kép (khoản 1, khoản 9, khoản 10 Điều 1 dự thảo Nghị quyết).

c) Tại khoản 6 Điều 1 dự thảo Nghị quyết, đề nghị trình bày các tiêu mục dưới dạng các điểm a, b..., không trình bày bằng gạch đầu dòng.

d) Đề nghị rà soát, điều chỉnh lại một số lỗi chính tả trong dự thảo Nghị quyết (khoản 2, khoản 5, khoản 9, khoản 10, khoản 11 Điều 1 dự thảo Nghị quyết), trong đó lưu ý không viết hoa chữ cái đầu tiên sau dấu chấm phẩy (;), chỉ viết hoa theo các trường hợp được quy định tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Khi trích dẫn các Điều, đề nghị viết hoa chữ cái đầu tiên của từ “Điều”, không viết thường chữ cái đầu tiên, tương tự đối với các từ “Mẫu số...” để thống nhất với nội dung tại dự thảo Nghị quyết và các Mẫu ban hành kèm theo Nghị quyết.

Ngoài ra, từ “Ủy ban nhân dân” được trình bày ở một số khoản ghi đầy đủ không viết tắt, một số khoản khác lại viết tắt là “UBND” là chưa thống nhất, đề nghị điều chỉnh cho thống nhất.

Tại khoản 9 Điều 1 dự thảo Nghị quyết (sửa đổi điểm h khoản 1 Điều 15), đề nghị điều chỉnh dấu phẩy (,) thành dấu chấm phẩy (;) sau mỗi loại sản phẩm để phân biệt được các loại sản phẩm khác nhau.

đ) Đề nghị không đưa những nội dung có chú thích footnote vào dự thảo Nghị quyết, chỉ sử dụng ở dự thảo Tờ trình.

e) Phụ lục ban hành kèm theo dự thảo Nghị quyết cần được đính kèm cùng với dự thảo Nghị quyết, đề nghị không tách rời Phụ lục khỏi dự thảo Nghị quyết.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 329/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND thành phố./. *h2*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Lưu: VT, XDKTVB.

